SỐ 220 — GIÁ 0$50 12 SEPTEMBRE 1944

TRUNG BẮC

CHỦ NHẬT

A23246

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Du-sĩ thuyết-khách,

NHỮNG NHÀ NGOẠI-GIAO THỜI CỔ PHƯƠNG ĐÔNG

Đọc lịch-sử thế-giới, người ta nghiệm thấy rằng: trước và sau mỗi thời-kỳ hoạt-động về chiến-tranh, đều có một thời-kỳ hoạt-động về ngoại-giao. Người ta bàn-bạc, thảo-luận, tính-toán, cân-nhắc với nhau, ký hiệp-ước này, bỏ hiệp-ước kia, yêu-sách điều này, nhượng-bộ khoản nọ, thử-thách, dò-xét nhau chán ra rồi, nếu giữa hai đối phương vẫn không có sự thỏa-thuận, hài lòng bấy giờ mồi lửa chiến-tranh mới bùng lên đốt phá hết các công-cuộc điều-đình ngoại-giao bất-lực trước kia.

Người ta đánh nhau. Đất đai bị xâm chiếm. Thành-trì bị phá-hủy. Bên này khởi thế-công. Bên kia khởi trận phản-công. Bên này lui. Bên kia tiến. Các lực-lượng trong nước về đủ các loại đều được huy-động và tập trung trên chiến-trường. Các khí-giới bí-mật, các chiến-cụ tài-tình đều được đem ra dùng để tranh cuộc thắng.

Bên này thắng một trận. Bên kia thắng một trận. Lúc được, lúc thua, kết-quả tài-nguyên hai bên đều một ngày một khánh kiệt, binh-lực hai bên mỗi ngày một hao-mòn, sức hiếu chiến hai bên mỗi ngày một bớt mạnh, như khi ba quân mỗi ngày một nhụt đi, sau cuộc đua tài đấu trí đầy nguy-hiểm gian-nan, hai đối-phương, tất có một bên chán ghét chiến-tranh, hoặc vì những lẽ thuộc về binh bị, hoặc vì những lẽ thuộc về chánh-trị.

Nhưng cưỡi trên mình cọp lâu rồi, nhất đán nhảy xuống chẳng phải là chuyện dễ. Muốn đình-chiến, muốn hoãn chiến, hai bên tất phải phái sứ-giả bàn bạc điều-đình với nhau để đi tới một cuộc thỏa-hiệp. Thế là cuộc hoạt-động ngoại-giao tiếp theo cuộc hoạt-động tác-chiến.

Nhà dùng binh phương Đông có nói: tiên lễ hậu binh. Nghĩa là trước khi đánh nhau phải dùng lễ, tức là nhờ các cuộc thảo-luận ngoại-giao đã. Nay ta có thể nói rằng sau khi đánh nhau người ta cũng phải dùng lễ như vậy.

Trước khi chiến-tranh, nhà ngoại-giao làm việc. Dập tắt lửa chiến-tranh cũng là công việc nhà ngoại-giao.

Ngoại-giao xây dựng nên cuộc chiến, ngoại-giao xây dựng nên cuộc hòa.

Từ xưa tới nay không hề bao giờ thấy hai người đấm đá nhau mà không cãi cọ nhau trước khi đấm đá, và trước khi thôi cuộc đấm đá nhau thế nào hai người cũng hẹn-hò, hăm-dọa nhau mấy câu để kết-liễu cuộc ẩu-đả.

Cuộc đấu khẩu giữa hai người trước và sau cuộc ẩu-đả, chính là hình ảnh cuộc hoạt-động ngoại-giao giữa hai nước, thì cũng lại vậy.

Ta thấy nhiệm vụ nhà ngoại-giao trọng-yếu tới bậc nào! Và thuật ngoại-giao là một thuật cần phải giảng cứu không kém gì thuật tác chiến, thuật dụng binh. Có khi lại quan-trọng hơn thuật tác chiến nữa. Vì dùng ba tấc lưỡi làm khí-giới đánh thành, đoạt đất, có khi mạnh hơn súng lớn, gươm trường, mà lại được cái lợi là không mất một giọt máu nào của dân cả. Ba tấc lưỡi có thể đổi được cuộc chiến ra cuộc hòa, có thể đổi được thế nguy ra thế an, có thể thổi bùng hay dập tắt ngọn lửa chiến-tranh.

Mạnh thay ba tấc lưỡi nhà ngoại-giao. Đáng kính đáng sợ thay ba tấc lưỡi nhà ngoại-giao.

Cuộc hoạt-động ngoại-giao thế-giới mấy năm trước đã gây ra cuộc chiến-tranh thế giới ngày nay. Cuộc hòa-

bình thế-giới ngày mai, tất cũng sẽ nhờ cuộc hoạt-động ngoại-giao vậy.

Chúng ta không đoán trước điều gì. Nhưng lịch-sử thế-giới cho ta biết trước điều đó. Ở đây, chúng ta thử quay nhìn lại mấy nghìn năm xưa, xem nhà ngoại-giao thời cổ ở phương Đông có đáng sánh vai cùng các nhà ngoại-giao Âu Mỹ hiện-thời.

Nhà ngoại-giao, theo nguyên nghĩa chữ Diplomate, là người chuyên việc bênh vực, gìn giữ lợi quyền cho nước mình trong các cuộc giao thiệp giữa các nước khác. Theo nghĩa ấy người ta phải tôn những nhà du-sĩ thuyết khách phương Đông là những nhà ngoại-giao cừ khôi và tiên-liễn trong lịch sử nhân-loại. Nói phương Đông là nói nước Trung-hoa cái lò văn-hóa của phương Đông nếu không của cả thế-giới.

Mà trong lịch-sử Trung-hoa, không thời đại nào sản nhiều du-sĩ thuyết-khách bằng thời Chiến-quốc. Tất cả các nhà thuyết-khách phương Đông thời sau đều học theo các nhà thuyết-khách thời Chiến-quốc và không sao theo kịp cổ-nhân. Tài-nghệ, mưu-lược của bọn du-sĩ thời chiến-quốc Trung-hoa, đem so-sánh với tài-nghệ, mưu-lược các nhà ngoại-giao trứ-danh nhất Âu Mỹ xưa nay, thì thiên biến vạn hóa, thần-tình hơn nhiều; miệng lưỡi các nhà du-thuyết phương Đông, thật đáng nên làm gương mẫu cho các nhà ngoại-giao vạn cổ.

Trước khi giới-thiệu cùng bạn đọc, mấy nhà thuyết-khách trứ-danh thời bấy giờ, chúng ta hãy xét xem tình-trạng Trung-hoa hồi ấy như thế nào mà gây nên được một thịnh-thời, một « hoàng-kim thời-đại » cho khoa du-thuyết như vậy.

Bởi vì không phải ngẫu-nhiên, mà một luồng tư-trào, một môn nghệ-thuật, một phái học-giả dấy lên để đánh dấu cho cả một thời-đại lịch sử!...

Thời Chiến-quốc và bọn du-sĩ

Khoảng thời-gian từ năm 722 tới năm 481 trước Thiên-chúa, tức là từ sau khi nhà Chu thiên đô đi Lạc-ấp — (Lạc-ấp ở phía đông nên từ đó nhà Chu có hiệu là Đông-chu) — cho tới khi có cuộc tranh-phong giữa hai nước Ngô-Việt, các nhà chép sử gọi là thời-đại Xuân-Thu. Vì một lẽ rất giản-dị là các việc lớn xảy ra trong khoảng mấy trăm năm đó, đều có ghi chép trong bộ sách « Xuân-Thu » còn truyền tới giờ.

Tiếp theo sau thời Xuân-Thu là thời Chiến quốc. Gọi là thời Chiến-quốc, là vì hầu hết các việc xảy ra trong khoảng thời-gian từ sau cuộc Ngô-Việt giao tranh cho tới trước năm nhà Tần nhất-thống thiên hạ, đều ghi chép trong bộ sách « Chiến quốc sách » là bộ sách do Lưu-Hướng đời Hán soạn ra.

Đáng lẽ phải gọi thời-đại ấy là thời thất-quốc mới đúng.

Theo sử, thì khi vua Hạ-Vũ hội chư-hầu ở Đồ-sơn, có tới muôn nước cầm ngọc lụa đến chầu. Thời vua Thang nhà Thương số chư-hầu giảm xuống còn ba ngàn nước. Đến thời vua Võ Vương nhà Chu, thì còn có một ngàn tám trăm nước. Các nước chư-hầu cứ tranh-dành nhau, nước lớn thôn tính nước nhỏ, theo luật mạnh sống yếu chết, đến thời Xuân-Thu, tức là thời Đông-chu còn lại có 170 nước. Rồi đến cuối thời Xuân-Thu, số chư-hầu chỉ còn - vẹn còn có hơn một chục. Mà hầu hết đều không phải là những nước chư-hầu

Bùi-thị Xuân

... là một người đàn-bà trí-mưu anh-dũng có một không hai ở trong lịch-sử cận đại nước ta,

... là một viên hổ-tướng của triều Tây-sơn vào lúc nguy-vong làm cho bên đối địch phải lo sợ,

... là một nữ anh-hùng sinh ra lỗi thời, nhưng một mực theo đuổi chí khí và danh-dự đến cùng.

« Trung-Bắc Chủ-Nhật » sắp đăng *Lịch-sử tiểu-thuyết BÙI-THỊ XUÂN* của HỒNG-PHONG, các ngài không đón xem ngay từ chương đầu, tất nhiên sẽ lấy làm tiếc.

Vì có nhiều sự-tích ly-kỳ, nhiều chiến-công rực rỡ, nhiều bối-cảnh éo-le, nhiều chi-tiết lý-thú mà các ngài không thể ngờ tới.

Đảm chắc độc-giả xem đến đâu sẽ phải cảm-khái, bi-thương, kinh-dị và kính-phục Bùi-thị Xuân đến đấy.

cả của nhà Chu. Tựu-trung có 7 nước mạnh là Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tần nổi dậy xưng vương.

Thời-đại đó là thời-đại tranh-dành vật-lộn giữa bảy nước, ngôi thiên-tử nhà Chu chỉ còn là hư-vị, không ai chú-ý tới nữa.

Nước này mưu chiếm nước nọ, nước nọ tính nuốt nước kia, mấy nước chư-hầu mạnh thế ngấm ngầm tìm kế hủy diệt lẫn nhau để tăng-triển lực lượng mình hòng làm bá chủ thiên-hạ.

Các vua chúa ngày đêm chỉ lo bàn mưu tính kế mở-mang phạm-vi thế-lực hoặc củng cố thế-lực đã lập được nên. Trong cung điện, lúc nào cũng đông nghịt những mưu-sĩ, thuyết khách.

Cứ coi bốn vị công-tử thời bấy giờ là Tín-Lăng quân nước Ngụy, Mạnh Thường quân nước Tề, Thân-Xuân quân nước Sở, Bình-Nguyên-Quân nước Triệu, mỗi vị trong nhà có tới ba ngàn thực-khách, thì đủ biết thủa thời du-sĩ được trọng-dụng là nhường nào.

Nhưng sao thời ấy Trung-Hoa sản sinh ra nhiều du-sĩ như vậy? Và du-sĩ là những hạng người thế nào?

Các nước chư-hầu luôn-luôn tìm cách khuynh-loát lẫn nhau, thôn-tính lẫn nhau, nên chế-độ phong-kiến nhà Chu mỗi ngày một rung-động.

Thời Xuân Thu, số chư-hầu đã từ non hai ngàn sụt xuống còn hơn một trăm; như thế đủ biết chế-độ xã-hội đã lung-lay lắm lắm. Đến thời Chiến-quốc thì chế-độ cũ vỡ lở hoàn toàn. Chính-quyền từ tay thiên-tử lọt vào tay chư-hầu, rồi từ tay chư-hầu lọt vào tay các quan đại-phu, có khi lại lọt vào tay bọn bồi-thần, tức là các gia-thần của đại-phu. Các giai-cấp từ thiên-tử đến đại-phu, sẽ không còn duy-trì được như xưa. Chế-độ phân điền theo phép tỉnh-điền nhà Chu không còn giá-trị nữa. Các nước chư-hầu nhỏ dần dần tiêu-diệt. Các nước lớn mạnh nổi lên. Các đô-thị lớn lần lượt thành lập. Cố nhiên là phong-kiến-chúa các nước chư-hầu bị kiêm tính, và số đông nông-dân trở nên thất-nghiệp, vì mất đất mất quyền. Họ bỏ nông-thôn và địa-hạt tới tụ tập tại các đô-thị mới thành lập, thay nghề đổi nghiệp, hoặc làm thợ hoặc đi buôn.

Những kẻ có trí dũng tài biện không chịu sống trong cảnh hèn hạ. Họ lang thang đi hết nước này sang nước khác, mong đem tài trí giúp các vua chư-hầu, mở mang thế lực, để lập công danh, và

CAO HO LAO
ĐẠI-Á — HANOI
Chai 80grs thuốc 30$ — 60grs 20$10 — 45grs 15$ — 21grs 7$85
DƯƠNG PHẾ CAO
Bổ phổi, ngừa lao
Chai 80grs 30$60 — 45grs 15$60
NGỬI TRỪ LAO
Chai 30grs 9$50 — 15grs 2$50
GIẢI UẾ THANH TÂM
Trị hỏng sốt lọc chất độc
60grs 10$00 — 20grs 5$00
Bán tại: **ĐẠI-Á**
170, phố Lê-Lợi, Hanoi
Chi nhánh: 208 Lagrandière Saigon
Đại-lý: Thanh-Niên 30, Ae-Cựu Huế — Mai-Khanh Haiphong

khỏi mất địa-vị con nhà quí-tộc. Đó là những bọn du-sĩ, tức là những kẻ sĩ có tài trí đi lang thang nay đây mai đó không có chỗ ở nhất định vậy. Nhờ có các vua chư hầu thời bấy giờ đua nhau dung nạp mưu-sĩ thuyết-khách để giữ giang-san, đồ việc lớn nên bọn du-sĩ nhiều người chiếm được địa-vị cao-quí trong xã-hội mới. Và nhân bấy giờ có nước Tần là nước lớn mạnh hơn hết, luôn luôn định kiêm tính các nước láng giềng, các chư-hầu đều lo sợ, kiếm cách phòng ngừ để củng cố địa-vị mình nhất là về mặt ngoại-giao, nên bọn du-sĩ càng được trọng dụng.

Du-sĩ không phải ai nấy đều có gươm bén có dũng lực khả dĩ hàng phục được kẻ mạnh, song tất cả đều là người giỏi khoa tâm-lý và biện-thuyết (luận lý) lại thông bác lịch-sử, địa-dư cùng mọi việc kim cổ, mở miệng nói ra chẳng điều gì là chẳng đi sâu vào tâm não người ta, chẳng điều gì là chẳng hợp lý hay có vẻ hợp lý, khiến những ý chí cương kiện sắt đá đến lâu cũng phải mềm, những việc nguy nan đến đâu cũng có thể giải quyết được.

Bình-nguyên-quân khen Mao-Toại rằng:

« Ba tấc lưỡi của Mao tiên-sinh mạnh bằng trăm vạn hùng-binh. »

Lời nói ấy thật đã hình dung được tất cả cái sức mạnh của khoa du-thuyết tức là khoa ngoại-giao.

Vì nhà ngoại-giao, thời nay hay thời xưa, phải là một nhà hùng-biện trước đã, dù

rằng nhà hùng-biện có tài chưa đủ là một ngoại-giao có tài.

Và nhà du-thuyết phương Đông trái với ý nghĩ của nhiều người, không phải chỉ là nhà hùng-biện, hoặc toàn là nhà hùng biện mà thôi. Họ có phải đập chân vỗ tay hùng-hồn biện-thuyết giữa đám đông như các nhà hùng biện ngày nay đâu? Họ chỉ dịu dàng, ngọt nhạt phân trần mọi lẽ lợi hại của thời-cục cho mấy ông vua, ông quan trong triều nghe mà thôi. Nghĩa là các nhà du-thuyết thời xưa, nhiệm-vụ và hành-động giống hệt các nhà ngoại-giao ngày nay vậy.

Tung-hoành gia

Sách Hán-Thư theo sách Thất-Lược của Lưu-Hâm (đời Hán) chia các nhà học-thuật tư-tưởng thời Chu-mạt làm chín phái khác nhau:

1·) Âm-dương gia.
2·) Nho gia.
3·) Mặc gia.
4·) Danh gia.
5·) Pháp gia.
6·) Đạo đức gia.
7·) Nông gia.
8·) Tung-Hoành gia.
9·) Tạp gia.

Chín phái này gọi là Cửu Lưu tức là chín giòng tư-tưởng học thuật khác nhau.

Tựu trung Tung-hoành gia trỏ gồm các nhà du-sĩ thuyết khách. Sở dĩ các nhà du-thuyết được đời sau mệnh-danh như vậy là vì mưu sách của hai nhà mưu-sĩ trứ-danh ở thời chiến-quốc.

Một là sách « Hợp tung » của Tô-Tần;

Hai là sách « Liên hoành » của Trương-Nghi.

Ta đã biết trong 7 nước chư hầu bấy giờ có nước Tần là mạnh lớn hơn hết, thường được gọi là Cường Tần nghĩa là nước Tần mạnh hay là Bạo Tần, nghĩa là nước Tần tàn-bạo. Sáu nước kia lúc nào cũng nơm-nớp lo cái vạ mất đất mất nước nó rình ở sau lưng, nhưng chưa tìm được cách gì hay cả. Giữa lúc ấy có nhà thuyết khách trứ danh là Tô-Tần sau khi được vua Triệu trọng dụng, liền tới thuyết vua năm nước kia nên cùng nước Triệu đồng-minh đoàn-kết với nhau, để gây lực lượng chống-cự với lòng tham-bạo của nước Cường Tần luôn luôn định thực-hành cái công-lệ « cá lớn nuốt cá bé ».

Các nước vì nghĩa tự-vệ đều sốt-sắng nghe theo. Tô-Tần được đeo tướng-ấn sáu nước. Mưu sách đó, gọi là sách « Hợp-tung », quả nhiên khiến nước Cường-Tần phải e gờm, tuy mạnh mà vẫn không dám rở thủ-đoạn xâm-lược gì với các nước nhỏ ở liền bên cạnh.

Sau nước Tần dùng Trương-Nghi làm Tướng. Trương là anh em đồng học với Tô-Tần, cũng là một tay biện-sĩ xuất sắc. Vua Tần dùng sách « Liên-Hoành » của Trương-Nghi, khuyên sáu nước chư-hầu nên thông-hiếu với Tần để mưu lợi danh.

Miệng lưỡi Trương-Nghi sắc-sảo chẳng kém miệng lưỡi Tô-Tần.

Thế là sách « Hợp-tung » của Tô-Tần bị phá mất. Và chẳng bao lâu sáu nước đều bị nước Tần lần lượt kiêm tính.

Ấy chính do sách Hợp-Tung của Tô-Tần và sách Liên-Hoành của Trương-Nghi mà thành tên học-phái du thuyết.

Và điều đó tỏ rằng bấy giờ du-thuyết cũng được liệt thành một môn-phái học thuật, ngang hàng với Nho học, Mặc-học, Đạo-học, chứ không phải là một môn học đáng khinh. Trái lại đó là một nghệ thuật khoa học đòi nhiều tài năng, tư-cách và công phu rèn luyện.

(còn tiếp)

HỪNG-PHONG

ĐÃ CÓ BÁN:
Đồng tiền hai mặt
Truyện thực rất cảm động của NGUYỄN-KHẮC-MẪN
Hai cuốn trọn bộ — Giá: 2p.50 -1- 2p.60
HÀN NAM QUAN
(NGUYỄN PHI KHANH và NGUYỄN-TRÃI) của HOÀNG-CẦM — Giá: [illegible]p.60
CÒN MỘT ÍT:
— THƠ — TRẺ THƠ của NGUYỄN-ĐỨC-CHÍNH — Giá: 1p.50
— TARZAN NGƯỜI KHỈ (quyển đầu trong tủ sách giải-trí Người Bốn Phương) Giá: [illegible]

ĐANG IN:
Con trời ngã xuống đất đen
Việt-sử giai-thoại của ĐÀO TRINH-NHẤT
ANH THƯ ĐỜI MẠC — Lịch-sử tiểu-thuyết của CHU-THIÊN
LÒNG CHA của NGUYỄN-KHẮC-MẪN
Quyển thứ hai trong tủ sách gia-đình giáo-dục của NGƯỜI BỐN PHƯƠNG
SẼ XUẤT BẢN: ĐỂ HIỂU ÂM NHẠC (Tủ sách âm nhạc)
TARZAN VỚI BẢY ÁC-THÚ (Tủ sách giải-trí)
Nhà xuất bản: « Người Bốn Phương ». Giám-đốc ĐỖ-XUÂN-GIÁNG
6, — Phố Đường Thành, HANOI — Giây nói 212

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

TỪ CHIẾN-TRANH ĐẾN HÒA-BÌNH

Những nhà ngoại-giao du-thuyết NỔI TIẾNG TRONG THẾ-GIỚI

« Chiến tranh chỉ là một phương tiện xây dựng hòa-bình » (Lời giáo hoàng Pie XII)

« Một lời nói mạnh hơn muôn vạn hùng binh »

Lịch sử nhân loại chỉ là một giây chiến tranh và hòa bình tiếp tục nhau. Loài người từ thủa còn ăn lông ở lỗ đã biết đánh nhau để tranh miếng ăn chỗ ở, gây nên những cuộc xung đột giữa các bộ lạc. Đến lúc đã hơi khôn ngoan biết rõ cái hại của chiến tranh thì cùng nhau giảng hòa để mong được an cư lạc nghiệp. Nhưng tính hiếu chiến đã trở thành một thói quen nên loài người càng văn minh bao nhiêu thì chiến tranh càng thêm phần dữ dội kịch liệt. Cuộc đại chiến 1914 - 1918 đã được coi là cuộc chiến tranh ghê gớm chưa từng thấy trong lịch sử. Thế mà 25 năm sau, cuộc thế giới đại chiến bùng nổ từ Septembre 1939 mãi đến nay vẫn chưa kết liễu lại dữ dội gấp trăm ngàn lần. Giữa các cuộc chiến tranh và có khi trong cả một thời kỳ còn chém giết nhau kịch liệt, người ta bình như tỉnh ngộ, thường nói đến hòa bình, tìm cách duy trì hòa bình, điều đình những bản hòa ước mà người ta mong rằng có thể đem thi hành triệt để và có hiệu lực vĩnh viễn cho nhân loại.

Từ xưa đến nay, các sử gia thường ca tụng các vị danh tướng lập nên những võ công oanh liệt ghi trong sử sách này rằng «một tướng thành công, muôn bộ xương khô», còn các nhà chính trị, ngoại giao có công với hòa bình, với việc tài giảm binh bị có chép đến chăng nữa cũng cho là những nhân vật hạng nhì. Các nhà ngoại giao du thuyết từ xưa đến nay đến nay thấy chép trong lịch sử các nước Á-đông và Âu-tây rất nhiều. Những bậc có tài ngôn luận đó đã bao phen dùng ba tấc lưỡi mà ngăn cản hoặc đình hoãn được những cuộc xung đột ghê gớm giữa nhân loại. Lời nói của các nhà ngoại-giao đại tài có khi còn mạnh hơn muôn vạn hùng binh. Thực thế, trong lịch-sử cổ kim Đông, Tây ta đã thấy nhiều việc tỏ rõ cái thế lực vô song của cái lưỡi nhà ngoại-giao. Cái lưỡi đó rất nguy hiểm mà lại rất nhân từ. Có khi vì nó mà gây nên chiến tranh hàng năm mươi năm chưa kết liễu, có khi vì nó mà một cuộc xung đột sắp bùng nổ lại không nổ nữa. Cái lưỡi nhà ngoại-giao còn có thể chuyển thắng thành bại và trái lại chuyển bại thành thắng, nó còn có thể giết hại muôn người và cứu sống muôn người. Kể hết các nhà ngoại-giao tự, tiểu-sử và công việc của họ từng làm là một việc lớn lao không thể làm trọn trong phạm vi một vài bài hoặc một vài số báo. Trong lúc dư luận khắp thế giới đang chán nản về chiến tranh và cố tìm những tia sáng hòa bình trong khoảng tăm giời đen tối, trong lúc ngoài các mặt trận đại bác vẫn nổ liên tiếp, phi cơ vẫn đánh phá không ngớt, người chết chất thành núi cũng chưa hết, nhưng trong các bộ ngoại-giao các nước thì mọi chính khách vẫn ngấm ngầm dự bị một cuộc hòa bình vĩnh viễn đúng như lời Giáo-hoàng Pie XII đã tuyên bố với các nhà báo Anh, Mỹ theo quân đồng minh tiến vào «kinh thành bất diệt» của Ý: «Chiến tranh chỉ là một phương tiện để xây dựng hòa bình», chúng tôi muốn nhắc lại kỷ niệm của một vài nhà ngoại giao đại tài, nhất là các nhà ngoại-giao của thế-kỷ 20 này là thế-kỷ «bốn bể một nhà, năm châu chung sống». Các nhà ngoại-giao quốc-tế mà ta biết gần đây như Aristide Briand, Stresemann, Kellog, Chamberlain, Eden, Von Ribbentrop, Sumner Welles, Matsuoka v. v... đều là những nhà có tài ngôn-luận hơn người, có miệng lưỡi mạnh hơn chiến xa, đại bác, đã dùng lời nói hoặc để mong thiết lập một cuộc hòa bình vĩnh viễn cho thế giới, hoặc để xoay chuyển hẳn thời cục chính trị và chiến cục giữa các nước. Các nhà ngoại-giao đó tuy mỗi người thờ một tôn chỉ, theo một mục đích, và có một phương pháp hành động riêng nhưng đều là những nhân vật trọng yếu hoặc có công với nhân loại, hoặc giúp ích cho nước nhà được dư luận khắp thế giới chú ý đến một cách đặc biệt. Một điều đáng tiếc là nếu tất cả các nhà ngoại-giao đó đều hợp tác chặt chẽ và cùng theo đuổi một mục đích: «Kiến lập hòa bình thế giới» thì nhân loại đã tránh được biết bao cảnh «máu sông xương núi».

Aristide Briand: chúa tể của hòa-bình thế-giới

Nói đến tên Aristide Briand, tất cả những ai thường để ý đến các việc quốc tế từ sau cuộc đại chiến trước đến nay đều biết tiếng. Đó là một một người đã được người ta mệnh danh cho là «chúa tể hòa bình thế giới». Tuy ông là một chính khách trọng yếu, một nhà ngoại giao bao nhiêu năm cầm vận mệnh nước Pháp trong tay nhưng suốt trong thời kỳ ông hoạt động chính trị nghĩa là từ năm 1911 đến 1932 là năm ông từ trần, bao giờ ông cũng tận tâm làm việc để xây dựng một nền hòa bình vững vàng cho thế giới. Ông là người có tài ngôn luận vào bậc nhất lại được người ta chú ý đến đặc biệt trong các cuộc hội nghị hòa bình trên bờ hồ Genève. Tuy công việc ông làm không có kết quả vĩnh viễn, công ông ngày nay đã thành công dã-tràng xe cát, nhưng danh tiếng ông đến nay vẫn còn lừng lẫy trên trường chính trị quốc tế. Ngày nay, cuộc thế giới chiến tranh đang ở thời kỳ quyết liệt, số người chết về chiến tranh trong 4 năm nay đã lên tới hàng mấy triệu, tuy vậy những người đã tận tụy hy sinh vì hòa bình như Briand vẫn được người ta sùng bái coi như những bậc cứu thế. Hồi Mars 1932, khi ông Briand từ trần, bạn ông là tổng thống Raymond Poincaré đã viết trên một số báo Illustration rằng: «Cái chết của Aristide Briand là một cái tang đau đớn cho hội Quốc-liên và hết tất cả các nước có chân trong hội đó». Chúng tôi muốn nói rõ hơn: cái chết của ông là một sự thiệt hại lớn không thể bù được cho cuộc hòa bình Âu-châu và thế giới. Suốt đời ông, ông chỉ biết có hòa bình và chỉ làm việc cho hòa bình. Ngay giữa lúc cả dân Pháp còn quân theo khẩu hiệu của thủ tướng Clémenceau: «Quyết chiến», ông Briand cũng nghĩ đến hòa bình và việc giảng hòa với Đức. Nhiều chính địch của ông vẫn công kích ông về việc này và cho là ông đã cố ý làm ngã lòng người bằng những tư tưởng hòa bình nhu nhược giữa lúc toàn thể dân Pháp gồm cả ông, phải đồng tâm hiệp lực để chiến đấu cho đến lúc toàn thắng. Nhưng xét kỹ ra thì lời công kích đó rất oan cho ông. Sau này người ta mới thấy rõ Aristide Briand bao giờ cũng là một người có lòng ái quốc hăng hái. Ông đã yêu nước Pháp như yêu hòa bình. Hòa bình là cái mộng lớn nhất và đẹp nhất trong đời ông. Ông tin rằng hòa bình vĩnh viễn có thể thực hiện được nên không hề bỏ lỡ dịp nào không làm việc để giúp cho cái mộng hòa bình thành sự thực.

Trong khi hy sinh vì hòa bình, ông Briand đã phụng sự cả nhân loại và tổ quốc mình là nước Pháp. Cũng có khi ông lầm về một vài phương pháp làm việc, quá tin về những lời nói cùng những thề thốt viển vông hoặc những ý nghĩ trái ngược hẳn nhau nhưng trước thế giới bao giờ ông cũng lớn tiếng bênh vực tư tưởng hòa bình và cũng chủ trương và truyền bá tư tưởng rất nhân đạo đó, một điều ấy cũng đủ làm cho ông đáng được cả nhân-loại kính phục và coi là ân nhân.

Đời chính trị của Aristide Briand

Aristide Briand sinh ngày 28 Mars 1862 ở Nantes về quận Loire inférieure thuộc xứ Bretagne trong một gia đình tiểu thương. Ông thực là người sinh ở chỗ bình dân mà sau này vì tài học mà bước lên tới ghế thủ tướng nước Pháp hơn mười lần. Trong hồi ông còn tòng học ở trường Trung-học tỉnh Nantes, ông thường đi lại với nhà văn viết

tiểu thuyết phiêu lưu là Jules Verne. Sau khi đậu tú tài ông lên học luật ở trường Đại-học Paris. Khi ở xóm La-tinh ông thường chơi bời với nhiều người sau này thành những nhà văn nổi tiếng như Ajalbert, Mirabeau trong viện Hàn-lâm Goncourt. Sau khi đậu cử-nhân luật-khoa, ông giở về Saint Nazaire làm luật sư. Khi chưa được ghi tên vào hội-đồng luật-sư ông đã được phép ra trước tòa bênh vực cho ông chủ báo « Démocratie de l'Ouest » là tờ báo sau này ông giúp việc dưới tên ký « Nihil ». Khi ông đã đổi tờ báo đó ra báo hàng ngày ông tiễn thân lên Paris mua một cái máy in về để in tờ báo mà sau này là cơ quan của phái thợ thuyền. Ngày 6 Mai 1888, ông được bầu làm hội-viên thành phố Nazaire trúng cử với một số phiếu nhiều nhất.

Hồi này một người bạn ông là Pelloutier lại lập ra một tờ báo khác báo « Ouest républicain » để cổ động cho ông Briand ra ứng cử vào Hạ nghị viện. Lần này ông bị thất bại. Từ đấy giở đi, Briand và Pelloutier cổ động cho chủ nghĩa nghiệp đoàn thợ thuyền ở miền tây nước Pháp. Ông theo chủ nghĩa xã hội nhưng là một thứ xã hội về tư tưởng khác hẳn với chủ nghĩa xã hội Karl Marx. Năm 1892, ông được nghiệp đoàn cử đi dự hội nghị liên hiệp nghiệp đoàn họp ở Marseille. Sau hội nghị này ông lên Paris giúp việc báo « Lanterne » của Mayer và hàng ngày vẫn giữ mục nói về thợ thuyền trong báo đó. Ông lại giúp báo « Petite République » cùng với các ông Jaurès, Millerand, Viviani. Ông cùng với các ông này lập ra nhóm xã hội độc lập. Khi ông Millerand được vời dự vào nội-các, ông đứng ra bênh vực thuyết cho các đảng viên xã hội dự vào một nội các tư sản giả. Ông lại viết cả báo « Humanité » cùng với các ông Jaurès, Viviani và Anatole France.

Năm 1902, ông được trúng cử nghị viên hạt Loire tại Hạ nghị viện. Vừa bước chân vào viện thì ông được chọn dự vào ủy ban xét đạo luật phân rẽ chính phủ và nhà Chung. Đến 1906, thì ông dự vào nội các lần đầu được cử giữ bộ Học-chính, Mỹ-thuật và Cúng lễ. Trong nội các này có cả

(xem tiếp trang 27)

Vì nhiều bài : « Một phương-pháp tân kỳ về nghề làm báo Mỹ » sẽ đăng tiếp trong số sau

Hanoi, le 5 Septembre 1944

Monsieur NGUYEN DOAN VUONG
Gérant de la revue T. B. C. N.
E. V.

Monsieur,

Dans le numéro de la revue TRUNG BAC CHU NHAT du 13 Août 1944, vous avez inséré, à la page 8, un avis émanant du sieur PHAN TRAN CHUC, par lequel celui-ci indique que son ouvrage « VAN CHUONG QUOC AM VE THE KY XIX » a été inachevé et que c'est la Maison d'Editions DOI MOI qui l'a fait paraître précipitamment, après en avoir remanié le texte à sa guise.

Ces assertions sont absolument fausses.

J'ai édité le texte rigoureusement exact de M. PHAN TRAN CHUC. Je puis même préciser que pendant le temps que dura l'impression, d'Octobre 1943 à Juillet 1944, toutes les épreuves de l'ouvrage furent soumises à M. PHAN TRAN CHUC qui y apporta toutes les corrections qu'il jugea utiles. Par conséquent M. PHAN TRAN CHUC est bien mal venu à paraître chercher à désapprouver la paternité d'un ouvrage qui est exclusivement issu de ses œuvres.

Je vous prie de bien vouloir publier cette rectification dans le plus prochain numéro de votre revue, à la même place et dans les mêmes caractères que l'avis de M. PHAN TRAN CHUC, et ce conformément aux dispositions de l'article 8 du décret du 4 Octobre 1927.

Veuillez agréer, Monsieur, mes salutations distinguées.

NGUYEN GIA VY
Directeur - Propriétaire des Editions DOI MOI — Hanoi

MỘT NHÀ NGOẠI-GIAO GUSTAV STRESEMANN RẤT CÓ CÔNG VỚI ĐỨC

Nhắc đến Aristide Briand vị chúa tể hòa bình của nước Pháp thì không ai không phải nhớ đến một nhà ngoại giao đồng hồi với ông là Gustav Stresemann thủ-tướng kiêm ngoại-giao tổng trưởng nước Cộng-hòa Đức từ 1923 đến 1929. Trong sáu năm giời ông Stresemann đã đưa nước Đức từ địa vị một nước chiến bại lên địa vị một cường-quốc lớn. Ông lại vận động, điều đình cho quân đồng minh rút khỏi xứ Ruhr một miền kỹ nghệ rất thịnh vượng của Đức và làm cho Đức thoát khỏi được nhiều điều kiện trong hòa ước Versailles. Người Đức thường so sánh ông với thủ-tướng Bismark. Xét lịch sử nước Đức từ sau cuộc đại chiến trước cho đến năm 1932 là năm Hitler lên cầm quyền thì không một chính khách nào được nổi tiếng như Stresemann. Nhiều người cho rằng Stresemann là người đã làm việc cho hòa bình quốc tế và Âu châu, thực ra thì ông chỉ là một người công dân Đức rất có lòng yêu nước và đã dùng hết mọi phương pháp để cho Đức khôi phục lại địa vị cường quốc ở Âu châu. Ông chỉ nghĩ đến quyền lợi của nước Đức. Người Đức xét công việc và thân thế Stresemann rất khác nhau. Có khi ông bị công kích kịch liệt có khi ông lại được quốc dân ca tụng và yêu mến. Ông muốn là nhân vật gì cũng được, suốt trong thời kỳ ông cầm quyền, ông là đại biểu đích đáng nhất của Đức. Trong tất cả các cuộc điều đình ngoại giao của Aristide Briand từ 1924 đến 1928 đều có Stresemann dự vào. Từ hòa-ước Locarno, đến việc Đức vào hội-nghị Genève, cuộc hội-đàm Thoiry, chương trình Young đều là những hội trong tấn kịch ngoại giao mà Stresemann đem diễn để cứu nước Đức khỏi bị hại về hòa ước Versailles và là những đoạn trong cuộc phục hưng của nước Đức nhất là về mặt ngoại-giao. Tuy ông chưa đạt hẳn mục đích nhưng có thể nói là ông đã dọn đường cho đảng Quốc-xã và Quốc-trưởng Hitler sau này.

Đời chính-trị của Stresemann

Gustav Stresemann sinh ngày 10 Mai 1878 trong một gia đình trưởng giả trung lưu nước Đức. Sau khi ông ở trường Đại học ra, ông quay về việc buôn bán và các công việc lớn lao vì đó là cái thang chính trị của ông. Có người nói từ sau khi ông lấy một cô gái Do-thái là Keete Kleefeld thì ông mới bắt đầu vào trường chính trị. Năm 1906, ông được trúng cử hội-viên thành phố đến năm sau 1907 thì được cử vào Nghị viện Đức (Reichstag) thuộc đảng Quốc-gia tự do. Trong hồi chiến tranh 1914-1918 Stresemann không ra lính được nhưng hoạt động nhiều về chính trị. Vì đảng-trưởng chính đảng của ông phải đóng võ-quan ra mặt trận, ông được cử lên thay. Suốt thời kỳ chiến tranh, ông đứng về phe bênh vực chính phủ, hết sức hô hào cho cuộc toàn thắng của nước Đức. Hồi 1917, trong nước có nhiều đảng chính kiến bất đồng có đảng phản đối chiến tranh. Stresemann hoan nghênh thuyết của đại-tướng Ludendorff mà ông cho là « tung lâm những nghị-lực của toàn thể quốc dân ».

Ngày 22 Octobre 1918, Stresemann đọc một bài diễn văn quan trọng trước Nghị viện Đức. Diễn văn đó là cả một chương-trình chính trị của đảng ông. Ông hết sức bênh vực thuyết chiến tranh và vẫn nói không phải Đức đã gây nên chiến tranh. Stresemann vẫn hoan nghênh việc dùng võ lực và binh ông vẫn hâm mộ hai nhân vật

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Vì nhiều bài: « Mật ... phương pháp tân kỳ về nghề làm báo Mỹ » sẽ đăng tiếp trong số sau

Hanoi, le 5 Septembre 1944

Monsieur NGUYEN DOAN VUONG
Gérant de la revue T. B. C. N.
E. V.

Monsieur,

Dans le numéro de la revue TRUNG BAC CHU NHAT du 13 Août 1944, vous avez inséré, à la page 8, un avis émanant du sieur PHAN TRAN CHUC, par lequel ce lui-ci indique que son ouvrage « VAN CHUONG QUOC AM VE THE KY XIX » était inachevé et que c'est la Maison d'Editions DOI MOI qui l'a fait paraître précipitamment, après en avoir remanié le texte à sa guise.

Ces assertions sont absolument fausses.

J'ai édité le texte rigoureusement exact de M. PHAN TRAN CHUC. Je puis même préciser que tout le temps que dura l'impression, d'Octobre 1943 à Juillet 1944, toutes les épreuves de l'ouvrage furent soumises à M. PHAN TRAN CHUC qui y apporta toutes les corrections qu'il jugea utiles. Par conséquent M. PHAN TRAN CHUC est bien mal venu à paraître chercher à désapprouver la paternité d'un ouvrage qui est exclusivement issu de ses œuvres.

Je vous prie de bien vouloir publier cette rectification dans le plus prochain numéro de votre revue, à la même place et dans les mêmes caractères que l'avis de M. PHAN TRAN CHUC et ce conformément aux dispositions de l'article 8 du décret du ... Octobre 1927.

Veuillez agréer, Monsieur, ...

MỘT NHÀ NGOẠI-GIAO
GUSTAV STRESEMANN
RẤT CÓ CÔNG VỚI ĐỨC

Nhắc đến Aristide Briand vị chúa tể hòa bình của nước Pháp thì không ai không phải nhớ đến một nhà ngoại giao đồng hồi với ông là Gustav Stresemann thủ-tướng kiêm ngoại-giao tổng trưởng nước Cộng-hòa Đức từ 1923 đến 1929. Trong sáu năm giời ông Stresemann đã đưa nước Đức từ địa một nước chiến bại lên địa vị một cường-quốc lớn. Ông lại vận-động, điều đình cho quân đồng minh rút khỏi xứ Ruhr một miền kỹ nghệ rất thịnh vượng của Đức và làm cho Đức thoát khỏi được nhiều điều kiện trong hòa ước Versailles. Người Đức thường so sánh ông với thủ-tướng Bismark. Xét lịch sử nước Đức từ sau cuộc đại chiến trước cho đến năm 1932 là năm Hitler lên cầm quyền thì không một chính khách nào được nổi-tiếng như Stresemann. Nhiều người cho rằng Stresemann là người đã làm việc cho hòa bình quốc tế và Âu châu, thực ra thì ông chỉ là một người công dân Đức rất có lòng yêu nước và đã dùng hết mọi phương pháp để cho Đức khôi phục lại địa vị cường quốc ở Âu châu. Ông chỉ nghĩ đến quyền lợi của nước Đức. Người Đức xét công việc và thân thế Stresemann rất khác nhau. Có khi ông bị công kích kịch liệt có khi ông lại được quốc dân ca tụng và yêu mến. Ông muốn là nhân vật gì cũng được, suốt trong thời kỳ ông cầm quyền, ông là đại biểu đích đáng nhất của Đức. Trong ... khỏi bị hại vì hòa ước Versailles những đoạn trong cuộc phục hưng nước Đức nhất là về mặt ngoại-giao ông chưa đạt hẳn mục đích nhưng nói là ông đã dọn đường cho đảng ... xã và Quốc-trưởng Hitler sau này.

Đời chính-trị của Stresemann

Gustav Stresemann sinh ngày 10 Ma... trong một gia đình trưởng giả trung ... nước Đức. Sau khi ông ở trường Đ... ra, ông quay về việc buôn bán và các ... việc lớn lao vì đó là cái thang chín... của ông. Có người nói từ sau khi ông lấy ... cô gái Do-thái là Keete Kleefeld thì ông ... bắt đầu vào trường chính trị. Năm ... ông được trúng cử hội-viên thành phố ... năm sau 1907 thì được cử vào Nghị ... Đức (Reichstag) thuộc đảng Quốc-gia t... Trong hồi chiến tranh 1914-1918 Stresem... không ra lính được nhưng hoạt động n... về chính trị. Vì đảng-trưởng chính ... của ông phải đóng võ-quan ra mặt ... ông được cử lên thay. Suốt thời kỳ ch... tranh, ông đứng về phe bênh vực ch... phủ, hết sức hô hào cho cuộc toàn th... của nước Đức. Hồi 1917, trong nước ... nhiều đảng chính kiến bất đồng xô đ... phản đối chiến tranh. Stresemann h... nghênh thuyết của đại-tướng Ludendorff ... ông cho là « trung tâm những nghị-lực c... toàn thể quốc dân ».

ừ. Âu châu là Hoàng đế Nã phá
t và thủ tướng Bismark. Từ
l, Stresemann hết sức củng cố
trị của mình trong nghị viện.
đảng trung ương trong nghị
uillet 1920, đảng của Stresemann
ghế trong nghị-trường. Thời kỳ
ời kỳ khó khăn nhất của nước
ộc đình chiến ngày 11 Nov. 1918
u Đức do ông nghị Erzberger
phải cúi đầu chịu nhận hết các
tại hội-nghị hòa bình họp ở
các điều khoản đó khi đem về
-linh, từ các chính đảng đến dân
về phản đối. Ai ai cũng đều công
không thể nhận hòa ước Ver-
Đến khi Erzberger bị ám sát,
nning lên cầm quyền và Curtius
giao. Xong việc ký hòa ước lại
bồi thường binh phí cho các
trận. Vì thế mà trong nước xảy
ng hoảng tài chính rất nguy
Mark của Đức càng ngày càng
cũng không có giá trị nữa.
xảy ra cuộc khủng hoảng về

ut 1923, Stresemann mới được
ngoại-giao trong Nội-các của
er.

giờ đi, ông mới có thể đem
để làm việc nước. Chính-sách
Stresemann lúc đầu bị nhiều
ng kích. Florent Matter tác giả
mark à Stresemann » đã viết:
à người bị ghét nhất nước

KA SAIIN-
n tơ dệt máy
kiểu nhã
hợp thời trang
buôn bán lẻ

Thống-chế Pétain đã nói:

« Lòng ái-quốc của nhân-dân vẫn còn thì tổ-quốc vẫn còn mãi mãi »

Chính-sách đó là chính-sách khôn khéo mềm-mại. Bề ngoài thì hình như nhu-nhược vì phải nhượng bộ và hợp tác với các nước thắng trận.

Xét kỹ ra thì trong thời kỳ này Đức không thể dùng chính-sách cương quyết được. Chính sách của Stresemann đã cứu nước Đức và đã đưa đến chương-trình Young là chương-trình đã bắt đồng-minh phải rút quân khỏi miền sông Ruhr của Đức. Stresemann đã từ trần ngày 3 Octobre 1929 vào năm ông 51 tuổi. Đến khi ông chết, người Đức mới biết tiếc ông và đám tang ông đã cử hành rất long trọng. Tổng-thống Đức hồi đó là Thống-chế Hindenburg tuy đã già yếu gần 90 tuổi mà cũng chịu đi bộ đưa đám ông đến tận huyệt.

Đến lúc đó người ta mới rõ lòng yêu tổ-quốc tha-thiết của nhà ngoại-giao đại-tài ấy.

Tài ngoại-giao của Stresemann đã cứu nước Đức

Sau khi Stresemann từ trần, người vợ góa của ông mới cho xuất bản các giấy má và thư từ về ngoại-giao trong hồi ông cầm quyền nước Đức. Những tài liệu đó nói nhiều nhất về cuộc giao thiệp với nước Pháp. Một trong những cuốn sách đó đã có kỹ về các cuộc hội-đàm giữa Briand và Stresemann đã đưa tới Hòa-ước Lausanne và làm cho Đức được dự vào Hội-nghị Genève.

Nếu đọc kỹ các thư từ và ... nhà ... của Stresemann để lại và ... đã xuất ...

tế ông đã soạn một cách có khuôn phép một cái tương lai tốt đẹp cho tổ quốc theo ý ông từng mong ước. Bức thư của ông viết cho nguyên đông-cung thái-tử Đức đã cho mọi người biết rằng ông không hề tự nhận đã theo một « chính-sách Âu-châu » mà ông thì là người theo chính-sách của Đức. Ông nói người ta quá lạm dụng chữ Âu-châu và những chữ như « Liên Âu » « Hợp chủng quốc Âu-châu » toàn là những chữ rỗng tuyếch và những ý kiến không thể thực hiện được. Stresemann đã làm tròn nghĩa vụ một nhà ái-quốc, không một ai có thể trách ông về phương-diện đó được.

Theo một bài báo mà ông Stresemann đã viết trong một nhật báo Đức hồi 1926 thì nhà ngoại giao Đức đã xét Briand một cách rất đúng. Ông nói trong các cuộc đàm phán ngoại-giao dẫu có luôn luôn nói đến những chữ hòa-bình quốc-tế, liên Âu, ông Briand vẫn theo một chính-sách lợi cho nước Pháp. Không ai có thể trách ông ta đã hành động như thế vì ông là người Pháp. Stresemann vẫn công nhận là Briand đã thành thực phụng sự hòa-bình nhưng không thể quên được quyền lợi của tổ-quốc, Briand đã thành thực muốn cho Pháp-Đức hợp-tác chặt-chẽ vì đó là nền tảng một cuộc hợp-tác của tất cả các nước Âu-châu.

Ông Briand đã từng nói nếu có cuộc quốc-dân đầu phiếu để hỏi dân Pháp xem nên hợp-tác và đồng-minh với nước nào lợi hơn thì chắc hẳn 85% dân Pháp đều nói nên đồng minh với Đức.

Stresemann vừa là một nhà ngoại-giao đại tài vừa là một người yêu nước tha thiết. Dẫu ở Genève, Locarno, Thoiry hay ở Paris, dẫu bàn về vấn-đề gì, ông vẫn để quyền lợi nước Đức lên trước tiên. Trong các cuộc đàm-phán với Briand hồi ông giữ quyền chính bao giờ ông cũng không quên yêu cầu quân đồng-minh rút khỏi tả ngạn sông Rhin, ông nói có thế thì địa vị ông

Một phim ảnh Nhật

« Bổn phận của mỗi người »

Hồi 5 giờ 30 chiều hôm thứ hai 11 Septembre vừa rồi, bộ phận phát phim ảnh Nhật, dưới quyền bảo trợ của viện Văn hóa Nhật, đã tổ chức một buổi chiếu bóng riêng tại rạp Olympia Hà-nội.

Phim ảnh « Le devoir de chacun » (Bổn phận của mỗi người) do những tài tử Takayama Tokoemon, Kouroda Kiyo, Tsoukioka Youmeji, Makata Kosi đóng vai chính.

Truyện phim đại khái như sau này:

Phó đô-đốc Vinaguawa là một vị anh hùng trong cuộc Nhật—Nga chiến-tranh hồi 1905. Vinaguawa có một trai một gái. Giai, Soitchi là một sĩ-quan thủy quân, đã xin từ chức để tỏ lòng bất-bình đối-với hợp-ước về hải quân ký ở Hoa-thịnh-đốn.

Không thể ở cùng với cha già khác chính-kiến, Soitchi bỏ nhà sang Trung-hoa tìm đường sinh sống. Trong gia-đình chỉ còn lại Natsouko em chàng hết lòng phụng-dưỡng cha già. Natsouko là vị hôn thê của Hiroshi.

Đột nhiên, Soitchi giở về Nhật và bất bình vì thái độ kiêu hãnh của Hoa-kỳ, chàng đã tự sát để thức tỉnh quốc dân Nhật trước tình cách nghiêm trọng của thời cục.

Chàng để lại vợ góa là Soumiko và một giai nhỏ, Kenitchi. Cái chết của chàng làm cho cuộc nhân duyên của Natsouko và Hiroshi phải gác giang mặc dầu Yomakami (một người bạn của gia-đình) đã hết sức dàn xếp.

Yomakami có một người con giai là Shinji bạn học của Natsouko hồi nhỏ và rất yêu nàng.

Năm 1941, Shinji và Hiroshi cùng ra tòng quân sang đất Trung-hoa dự cuộc chiến-tranh. Shinji bị tử trận còn Hiroshi bị thương nặng phải về điều-trị tại Nhật. Nghĩ đến Shinji, chàng từ chối cuộc hôn-nhân với Natsouko.

NGOẠI-GIAO MỸ:

FRANK KELLOG

hợp-ước ký
ng sau cuộc
14 - 1918, có
dư luận quốc
tế, đó là hợp-
hay là hợp-
giữa các nước
Ý, Đức, Bỉ
h hợp-ước này
hợp-ước trọng
và các nước
i Đức là Pháp,
Tiệp-khắc) ký
Octobre 1925 và
aris hay là hợp-
-Kellog ký ngày
8 tại gian phòng
bộ Ngoại-giao
ng nói hợp-ước
i hợp-ước Paris
hạm vi quốc tế
và quan trọng
Đó là một hợp-
mục đích để bài
tranh, không dùng
một cái lợi-khí về
quốc tế nữa. Sau
ước đó ký xong
i bình như thấy
hái dễ chịu, lần
nặng nề đè nén
và Âu châu bình

báo Pháp hồi đó, đã nói: «một vầng thái-dương mọc lên ở Paris soi sáng rực rỡ một thế-giới hòa-bình mới». Thực thế, với hợp-ước Paris, nhiều người đã tưởng rằng thế giới sẽ được hưởng một nền hòa-bình vĩnh-viễn. Những người có sáng kiến về hợp-ước đó và dự vào cuộc điều đình ký hợp ước như Ngoại-tướng Pháp Aristide Briand, Ngoại-tướng Mỹ Frank-Kellog, Ngoại tướng Anh Chamberlain, Ngoại tướng Đức Stresemann được hoan nghênh như những bậc cứu thế, những người có công xây dựng nên tòa lâu đài hòa bình đẹp đẽ. Nhất là hai ông Briand và Kellog mà người ta đã mượn tên đặt cho bản hợp-ước càng được tán dương hơn nữa vì hai ông này có công nhất trong việc điều đình hợp-ước vì thế mà cả hai ông đều được viện Hàn-lâm nước Thụy-điển tặng cho giải thưởng hòa-bình Nobel về năm 1928. Dự án hợp-ước thì do chính Ngoại-tướng Pháp hồi đó là ông Briand khởi thảo, lúc đầu thì Frank Kellog cho đó là một dự án không thể nào thực hành được nhưng sau dần xét lại thì ông lại hoan nghênh và bênh vực cho hợp-ước. Ông Kellog đã từ trần năm 84 tuổi ngày 21 Décembre 1938 tại Saint Paul trong xứ Minesota nghĩa là trước khi cuộc thế giới Đại chiến này xảy ra gần một năm. Cũng như các nhà ngoại-giao đại tài Briand, Stresemann, A. Chamberlain là những người có công nhất vào việc ký hợp-ước Paris, ông Kellog đã không phải đau lòng thấy cái mộng hòa-bình của mình không thể thực hiện được và chiến tranh là cách người văn minh vẫn dùng để giải quyết các việc xung đột quốc tế.

Trước khi ký hợp-ước Paris, ông Kellog chỉ là một nhà chính-trị về phái cộng-hòa của Hoa-kỳ không phải là người nổi danh khắp thế giới. Ông bước chân vào chính giới từ trước năm 1914 nhưng chỉ là đại biểu của nền quê-quán mình ở Dân viện mãi đến 1917 mới được bầu vào Nguyên-lão nghị-viện. Ông ở nghị-viện tối cao của Hoa-kỳ đến năm 1923 thì được cử làm đại sứ Hoa-kỳ ở Luân-đôn và 1924 thì được cử làm Ngoại-tướng của Tổng-thống Coolidge cũng trúng cử trong năm đó. Đến 1929 thì ông Kellog từ giã chính phủ đồng thời với ông Coolidge. Từ đó ông Kellog được cử làm thẩm phán tại tòa án quốc-tế la Haye cho đến mãi 1935 mới thôi chức đó và về nghỉ hẳn tại sinh quán ông trong nước Hoa-kỳ cho đến lúc chết. Hồi 1932 khi ông Aristide Briand từ trần, tất cả các báo cộng-hòa và dân-chủ ở Hoa-kỳ đều lên tiếng tỏ ý tiếc thương một người đã hi sinh cho hòa-bình thế giới. Chính ông Kellog hồi đó còn sống cũng tuyên bố rằng ông Briand chết tức là một sự thiệt hại lớn cho cuộc hòa-bình thế giới và Âu-châu, ông lại tỏ ý buồn bã chán nản rất sức.

Một điều đáng chú ý là chính Tổng-thống Hoa-kỳ Wilson đã có sáng-kiến lập ra Hội Quốc-liên sau cuộc Âu chiến trước để duy trì hòa bình thế-giới thế mà thống Wilson không được Nghị-viện Hoa-kỳ chuẩn-y tuy Hoa-kỳ vẫn tha thiết yêu mến hòa-bình và các Tổng-thống Hoa-kỳ đã có lần chiêu tập hội-nghị tài giảm binh-bị ở ngay Hoa-thịnh-đốn để mong trừ hẳn chiến-tranh trên mặt địa-cầu này.

Đến khi Tổng-thống Coolidge được bầu lên thay Tổng-thống Harding từ trần, chính-sách ngoại-giao Hoa-kỳ có hồi thay đổi.

Với việc ngoại-tướng Kellong sang tận Paris điều đình và ký hiệp ước bài trừ chiến-tranh thì cả thế-giới đều công nhận là chính-sách ngoại-giao của Hợp-chúng-quốc đã thay đổi chiều. Khi ông Kellog ở Pháp về được dư-luận Hoa-kỳ nhiệt-liệt hoan-nghênh và người Mỹ hồi đó cũng tưởng rằng có thể lập được một nền hòa bình vững-vàng và lâu bền.

K. T.

Phòng tích Con chim

THOÁI-NHIỆT-TÁN
Hồng - Khê
Trị bệnh:
cảm, sốt, nhức đầu

Bổ thận tiêu độc

Thuốc lọc máu tiêu nhiệt
ngứa lở giá một lọ 1p00. Nửa
tá 5p.00. Một tá 9p00.
BÁN TẠI
Nhà thuốc TẾ-DÂN
181, Hàng bông Hanoi

CÁC SÁCH DẠY LÀM THUỐC

Bảng quốc-ngữ có cả chữ
... phòng và chữa chứng ...
... 5p. Đau mắt 5p. Đậu, sởi ...
... 5p. Y-học tùng thư 30p. ...
... 5p. Y-học tùng thư 30p. ...
(cả 4 cuốn). Kinh-nghiệm 6p. ...
cuốn). Gia-chuyền 5p. Hải-Thượng
Lãn-Ông 6p. (cả 2 cuốn) sách ...
nhật-Bản Trung-Hoa 5p. ...
Xem mạch 5p. Trẻ con 6p. ...
dàn bà 6p. (cả 2 cuốn).
Ở xa gửi mua Thư, mandat ...
nhà xuất-bản như vầy:
NHẬT-NAM THƯ-QUÁN
n 19, phố Hàng Điếu, H...

Đã có bán:
TRÊN GIỐC VẬT-C...
của LÊ VĂN-TRƯƠNG
— Một thảm kịch Tiền, v...
— Một thành công th...
của kẻ đã xây dựng sự-...
trên tội ác. Giá 5p80
Nhà xuất-bản HƯƠNG...
113-115 — Phố Lò-đúc —

Các ngài hãy dùng:
PHẤN TRÌ ĐÔNG-DƯƠNG
(Graphite Indochinoi...)
Mỏ «Hélène chi I» «Hélèn...
«Hélène chi III» phố Lu...
đã được công nhận là tốt ...
ở ngoại quốc, công việc ...
Gửi nhanh chóng khắp Đô...
SỞ GIAO DỊCH ...

...ƯƠNG (MATSUOKA),

...Nhật nổi tiếng nhất gần đây

...ật từ sau cuộc ...người nổi tiếng ...nhất là Yosuke ...nh nhà ngoại- ...-châu hồi mùa ...xong và ký với ...

...1880 trong quận ...ojiro Matsuoka ...tại trường Đại- ...đến 1903 thì đậu ...Mỹ giở về, ông ...rồi bổ sang lập sự ...nh-sự Thượng-hải ...được cử ra đứng ...hính-phủ Kwang- ...sung làm thư-ký ...giữ chức thư-ký ...ật ở Bỉ và tòa lãnh ...9, ông được sung ...Thượng-hải. Năm ...ys bổ làm thư-ký ...Nhật ở Nga và năm ...c thư ký thứ nhất ...-thịnh-đốn. Từ đây ...ủa ông mới bắt đầu ...ung chức Giám-đốc ...i-giao, thư ký ngoại ...ng năm 1918 thì lại ...của thủ-tướng Nhật. ...r vào đoàn đại-biểu ...hòa-bình ở Versailles. ...là Saito sau này ...Nhật ở Hoa-thịnh- ...hải được chở trên một chiếc tuần-dương-hạm Mỹ đưa về Nhật.

Từ một nhà ngoại-giao ông Matsuoka nhảy sang làm quản-lý công-ty xe lửa Nam-Mãn từ 1922 đến 1926 và đến 1927 thì sung chức Phó-hội-trưởng công-ty đó. Ông được bầu vào Dân-viện Nhật lấy tư-cách là đảng viên đảng Chính-hữu vào hai năm 1930 và 1932. Sau khi sảy ra vụ Mãn-châu-quốc thì ông Matsuoka được cử làm đệ nhất đại-biểu tại hội Quốc-liên để giải quyết vụ lôi-thôi đó. Vì thái-độ của hội Quốc-liên phản-đối Nhật không có cách gì điều-đình nên năm 1933, ông Matsuoka đã quyết định xin cho Nhật ra khỏi hội-nghị Genève.

Vì muốn tán-thành đề-nghị giải-tán các chính đảng ông Matsuoka đã xin từ chức Nghị-viên.

Từ 1935 đến 1939 ông được cử làm Hội-trưởng ban Hội-đồng quản-trị Công-ty Thiết-lộ Nam-Mãn. Sau cùng đến Janvier 1940, ông Matsuoka được cử làm Ngoại-vụ đại thần trong Nội-các Cận-vệ (Konoye). Hồi này là hồi ông bước lên địa vị cao tột trong đời ngoại-giao và chính-trị của ông. Đến Février 1941, sau khi quân Đức đã chiếm xong các nước Tây Âu và cuộc giao-thiệp Nga-Đức đang ở vào thời kỳ khó khăn, ông Matsuoka do đường bộ qua Tây-bá-lợi-á sang công-cán ở Âu-châu. Lượt đi ông qua Mạc-tư-khoa, dừng ở Bá-linh rồi sang La-mã để thắt chặt mối giây liên-lạc giữa các nước trong trục Bá-linh, La-mã, Đông-kinh. Lượt về ông lại dừng ở Bá-linh, có đi thăm những miền đã từng ... chiến trường giữa Pháp và Đức và nhiều cơ quan cùng xưởng máy của Đức. Mấy lần hội đàm với hai nhà độc tài Mussolini và Hitler cùng các nhà ngoại giao Đức Ý, ông đã làm cho các nhà cầm quyền hai nước độc tài Âu-châu càng biểu rõ ... Nhật và càng thân thiện với Nhật. Khi về qua Mạc-tư-khoa ông dừng lại ở kinh đô Nga Sô-viết đến hơn hai tuần lễ được các nhà cầm quyền Nga tiếp đãi rất ân cần. Ông lại có đi thăm Léningrad là nơi ông đã từng sung chức bí-thư tòa lãnh-sự Nhật và các xưởng máy chế tạo binh khí của Nga. Mục đích ông đi Âu-châu chuyến này là ký hợp-ước bất xâm phạm với Nga Sô-viết để Nhật được khỏi lo về Nga và có thì giờ đối phó với Anh, Mỹ. Ông đã đạt được mục-đích đó một cách dễ dàng hơn lúc khác là vì giữa lúc này cuộc giao thiệp giữa Nga và Đức đã đến đoạn khó khăn, Nga cũng cần được rảnh tay về phía Tây-bá-lợi-á để đem toàn lực đối phó với Đức. Tuy Nhật là đồng-minh của Đức và Ý, ông Matsuoka đã giao-thiệp một cách khôn khéo và đã cùng Staline, Molotov ký xong hợp ước bất xâm phạm Đức Nhật. Từ trước thực không ai ngờ rằng Nga, Nhật có thể cùng nhau ký một hợp-ước như thế và do đó có thể giải quyết được hết các vấn đề khó khăn về cương giới. Quyền lợi giữa hai nước Nga và Nhật vẫn tương phản nhất là ở Mãn-châu và Mông-cổ, thế mà Ngoại-tướng Matsuoka đã làm cho các nhà cầm quyền Nga tạm quên những quyền lợi của mình và cam-đoan không xâm phạm đến đất đai thuộc phạm vi thế lực của Nhật. Giữa lúc ông Matsuoka sang Nga thì lãnh tụ Cộng-sản Tàu là Mao-trạch-Đông cũng ở Mạc-tư-khoa để bênh-vực quyền lợi cho Trung-hoa.

Hợp-ước bất xâm phạm Nga-Nhật ký ngày 13 Avril 1942 đến nay vẫn còn hiệu-lực. Ảnh-hưởng của bản hợp-ước đó đối với tình-hình thế giới không phải nhỏ. Đến nay, ông Matsuoka không giữ bộ Ngoại-giao Nhật ... thủ tướng Cận-

TÂN VĂN HÓA

25 Sept. 1944

sẽ phát hành

71, Tiên-Tsin

Học thuyết kinh tế

TIỂU-DẪN

của NGUYỄN HẢI-ÂU Giá 4p.00

Các bạn
Đón đọc

NGÀY 10-10-1944

Số đầu của

VĂN MỚI

Tạp-chí nghị luận

Chiến-đấu cho sự độc-lập của

TƯ-TRÀO TÂN VĂN HÓA

— HÀN-THUYÊN —

N° 71, TIÊN TSIN — HANOI

ĐÃ CÓ BÁN:

Câu chuyện văn-h...

Của THIẾU-SƠN Giá 4.00

Văn-học là tinh-hoa của đất-nước, ... nhân-loại. Không có văn-học, đời ... nhạt-nhẽo, tầm-thường, phẳng-lặng. ... học đem đến cho ta những tư-tưởng ... siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Câu chuyện văn học gồm có những ... chuyện văn-chương mà ông Thiếu ... đã nói trên đài vô-tuyến-điện Saigon ... được Chính-phủ Đông-dương cho ... là tuyệt-tác, mà cả dân chúng ... đương cũng đã từng nghe thấy...

Chuyện khoa-h...

Số 1 và số 2 của HOÀNG-LAN... MAI số 42 và 43 mới xuất bản: ... bản CỘNG...

BÀN VỀ TIỂU-THUYẾT

VŨ BẰNG

Bài thứ năm

VIII. — Tiểu thuyết mới không biểu-dương gì hết

Vừa đây, tôi được xem một cuốn truyện mới mà tác giả là một người chưa có danh tiếng gì hết trong làng tiểu thuyết. Người ta không viết lời nói đầu để giới thiệu nhà văn đó và nhà văn cũng không viết tựa để tự giới thiệu tác phẩm của mình. Như thế tôi ưa lắm. Và sau khi đã đọc hết hai mươi trang đầu, lòng ham thích đó của tôi chỉ có tăng gia, nhưng ác thay, từ trang 23, 24 trở đi thì tôi thấy lòng mềm lại, không say sưa nữa.

Thoạt tiên, tôi sợ rằng mình thiên vị, bởi vì không ưa những truyện có chủ-đề từ lúc thấy truyện bắt đầu có vẻ có chủ đề, thì lòng ham thích giảm đi chăng. Nhưng không phải. Tự thâm tâm, tôi vẫn kính trọng sự độc lập của tác giả và cũng tự thâm tâm tôi vẫn chịu rằng cái chủ đề tác giả muốn đem ra bày tỏ hay lắm và rất là thiết thực. Nhưng càng đọc tôi càng thấy rằng tác giả cuốn truyện vì băn khoăn về việc mình định bày tỏ quá, hình như quên khuấy mất cả cái không khí trong truyện, linh hồn các vai trong truyện, nên càng xuống dưới, cuốn truyện càng đầy rẫy sự vô lý, càng đầy rẫy sự giả dối: nó không còn là một bức họa về đời, mà chỉ còn là một cái gì vụng dại, xa lạ; nhân vật của nó không còn là người nữa, mà chỉ còn là những người máy cử động theo sức điện hay sức quay của giây cót đồng hồ mà thôi. Đã đành là tác giả đã tìm được cái đề hay để viết, và tác giả viết về cái đề ấy cũng tài, nhưng mỗi chương đều như cố ý chứng tỏ ra một cái kỷ-hà định-lý và giọng này quá giọng nọ, người đọc chỉ ngong ngóng để chờ một *lẽ tất nhiên phải đến!*

Có phải cũng vì lẽ đó chăng mà từ trước đến nay, những truyện viết vì một chủ nghĩa chánh-trị ở nước ta, không có một cuốn nào có giá-trị lâu bền cả?

Tôi sẽ không bao giờ nói chạm đến một chủ nghĩa chánh-trị nào, hay đứng trái lại một đảng phái nào, nhưng tôi phải nói thực ngay rằng những truyện viết về người nghèo khổ, về thợ thuyền của văn-sĩ nước ta viết mà tôi đã được đọc, đều làm cho tôi ngấy quá. Cái gì của phái vô sản cũng đáng thương cả, cái gì của anh em thợ thuyền cũng đáng trọng cả, còn những người khác ở đời này thấy đều đáng miệt thị cả, không cần đếm xỉa. Tưởng như chỉ có những người nghèo khó là khổ thôi, còn những người có tiền mà khổ về tinh thần thì không phải là khổ vậy. Một nhà văn chân chính không thương mến một người nào hay ghét bỏ một người nào, *nhưng yêu tất cả mọi người và kiếm cách an-ủi hết cả mọi người đau khổ.*

Một người định đem chủ nghĩa chánh-trị — hay luân lý cũng vậy — của mình vào để sai khiến các nhân vật trong truyện không bao giờ có thể là một tiểu-thuyết gia chân chính. Đó chỉ có thể là một người thợ làm tiểu thuyết vụng dại mà thôi. Mà tại sao lại chịu ép lòng làm một người thợ tiểu thuyết vụng dại trong khi mình có nhiều hy vọng trở nên một nhà viết truyện triết lý, viết sách luân lý có tài, hay một nhà viết xã-luận khả dĩ có nhiều danh tiếng?

Những chữ *tư-tưởng, quan niệm* nếu tin lời ông *Duhamel*, thì hiện nay có một ý nghĩa không được tốt đẹp lắm ở trong làng văn Pháp và công chúng thường đem những chữ đó ra đối chọi một cách khinh miệt với những chữ khác như *tả chân* và *tự nhiên*.

Như vậy, kể cũng là độc-đoán, nhưng ta không thể không nhận rằng sự tai hại của quan niệm tư tưởng (kể cả chủ nghĩa chánh trị nữa) là che lấp mất sự thực, làm cho sự thực mất hết cả ý nghĩa của nó đi. Ở đời này, hỏi chẳng thấy bao nhiêu người vẫn kêu là mình *khổ nhất* đấy ru? Rất ít thấy là những người nói rằng: «Trông lên thì chẳng bằng ai mà trông xuống chẳng ai bằng mình» mà cảm giác như thế thật, nhận thấy như thế thật. Cũng thế, ta vẫn thấy những nhà văn, những diễn giả bao giờ cũng cho vấn đề mình đem ra bàn là quan trọng nhất, cần yếu nhất.

Có nhiều người nhảo lại rằng, trên kia, tôi đã nói một tác giả không nên vụ đoán quá, nhất thiết bỏ hết cả chủ đề. Có thứ truyện viết cần phải có chủ đề, mà nhà văn đã tạo ra nhiều tác-phẩm cực kỳ giá trị. Tuy vậy, tôi vẫn cứ nói rằng chủ đề chỉ có thể làm được những truyện hay, chứ chủ đề nhét vào trong tiểu-thuyết chỉ có thể làm giảm giá trị của nó mà thôi vậy.

Tiểu-thuyết tân-thời, tiểu-thuyết cận đại, thiết thực, khác truyện luân-lý và triết-lý ở chỗ đó: là tiểu-thuyết (roman) không có chủ đề. Tiểu-thuyết chân chính, theo đúng ý nghĩa của nó, phải là bức chân dung hay là một giấy chân dung. Những bức chân-dung đó hoạt động. Sự hoạt-động đó, hay những sự hoạt-động đó, không bao giờ quy vào mục đích bày tỏ một ý tưởng gì hay một chủ-nghĩa gì. Những nhân-vật trong truyện, phàm đã «sống», đã hành động thực thì không bao giờ bị ai sai khiến hết, nhưng tạo lấy sự tình, biến cố và chỉ-định lấy những cảnh-ngộ. Nếu vạn nhất những sự tình, biến cố đó bày tỏ được cái gì, hay nếu chứa đựng ở trong lòng một bài học, thì đó là một sự tình cờ mà nhà văn chứ không phải nhà tiểu-thuyết cố ý làm ra được.

Về quan điểm này, nhiều nhà tiểu-thuyết Pháp đều nghĩ như thế: *Duhamel, Kipling, Somerset Maugham, Vicky Baum, Tchékov, Stendhal, André Maurois...*

Tôi tưởng cũng nên lược dịch ra đây một đoạn văn học-luận của ông bạn *André Maurois* về quan điểm đó:

«Trước hết, tôi có định bày tỏ ở trong tiểu-thuyết của tôi một học thuyết đạo đức, một chủ-nghĩa chánh-trị không? Tôi có thể trả lời rất rõ ràng: Không. Tôi không tin rằng một nhà tiểu-thuyết lại phải bày tỏ một học-thuyết, một chủ-nghĩa. Xin chú ý: tôi không nói rằng một tiểu thuyết gia không nên có hay không thể có một chủ-nghĩa hay một học-thuyết; sự đó khác hẳn. Thiết nghĩ một nhà tiểu thuyết phải có bổn phận như tất cả mọi người, hơn tất cả mọi người, phải có bổn phận biết đến những vấn-đề của thời đại mình sống, phải có một quan-niệm về những vấn-đề chánh-trị, văn-học hay đạo-đức; những ý tưởng đó, quan-niệm đó, tốt hơn là viết thành nghị luận, thành tùy bút, nhưng *chớ nên bao giờ viết ở trong tiểu-thuyết*, bởi một lẽ rất giản dị: mỹ học và đạo đức-học khác nhau xa lắm. Cái lẽ tư tưởng đó, theo tôi là nền tảng của tất cả các chủ-trương nghệ-thuật. Bất cứ lúc nào, ông bạn hành-động thì không thể có một ấn tượng xác xa về nghệ thuật. Bạn ông chết đuối, ông đứng ở trên bờ; ông tự hỏi lòng xem có cứu được bạn không; lúc đó, ông không thể cảm

> **Chúng ta đừng nên chia rẽ nhau vì những ý tưởng viển vông, nên hợp sức lại mà tìm phương kế hằng ngày giúp nước**

giác được cái đẹp của bờ sông có cây cỏ xanh rờn hay làn sương mỏng mùa thu che phủ mặt hồ lấp loáng vài ba tàu lá ấu rồ... Chỉ có khi nào tinh thần thong thả, ông mới cảm giác được cái đẹp. Ấn tượng thực mới thành ấn tượng đẹp. Người ta còn có thể cảm giác cái đẹp nhưng khi sự cảm động mạnh quá đến nỗi làm cho ta không thể, hay không muốn, hoạt-động nữa mà chỉ muốn thoát-ly thôi. (Đó là trường hợp của nhà nghệ sĩ chân-chính).

Nhà văn hào Anh *Kipling* cho ta một thí dụ rất đẹp về trường hợp đó. Ông thuật rằng có một lần ông hỏi chuyện những người vừa mới thoát khỏi một nạn đắm tàu. Nhiều người tả cho *Kipling* nghe rõ ràng từng giây từng phút, nào lúc tàu ngập, nào lúc nước vào boong, nào sóng đánh... Chính lúc các hành-khách đạp lên nhau, chỉ còn biết nhắm mắt để chờ chết, có một số ít người trong bọn, chợt trong giây lát, có một ấn-tượng rõ rệt về cái đẹp. Tại sao? Bởi vì sự sợ hãi và sự cảm động mạnh dữ quá đến làm cho người ta không hành động được.

Chỉ có những cảm giác làm cho ta hoàn toàn thư thái mới có thể gây cho ta cảm giác về cái đẹp, về nghệ thuật. Bởi vậy cho nên tôi không bao giờ có ý tưởng đem trộn lộn hành động, nghị luận, thuyết-giáo vào trong việc xây dựng tiểu-thuyết».

Proust có nói rằng: «Một tác phẩm chứa đựng học thuyết hay học thuyết cũng có như một đồ vật mà người ta đem giấu giá tiền vào». Như vậy, không phải là tôi không tìm cách phô bày ý nghĩ của tôi qua những nhân-vật trong tiểu-thuyết của tôi đâu; nhưng, điều mà tôi muốn là những ý kiến đó nên để cho họ nói ra, những nhân-vật phụ thuộc vào *đời của họ*, mà những nhân-vật chính sẽ nói điều hay điều dở là vì họ cần phải nói, nói vì những điều đó hợp với tâm tính của *họ*, lo âu của *họ*, thành kiến của *họ*. Còn như về những chủ-nghĩa hay học-thuyết của họ có đúng không, hay có tương phản nhau đi nữa, tôi cũng không cần biết! Trong một cuốn truyện mới ra, *Marcel Proust* có cho mấy ông sĩ-quan diễn-lại ý-tưởng về chiến thuật. Không phải là *Proust* muốn đo độ nông sâu một giáo-lý về binh pháp, chẳng qua là ông quan sát thấy có người nói con ca hay và thông minh, thuật lại cũng có điều bổ ích, thì thuật ra đó mà thôi.

Văn-hào *Tchékov* ở nước Nga nói rằng:

— Có lần, trong một cuốn tiểu-thuyết, tôi tả về một vụ ăn cắp ngựa, nhiều nhà phê-bình bảo tôi rằng: « Anh phải viết thêm: ăn cắp ngựa như thế là xấu lắm ». Việc đó có phải là việc của tôi đâu! Đó là việc của tòa án chứ!

Theo tôi, đó là chân-lý nghệ-thuật vậy. Nên nhớ lại câu này của *Stendhal*: « Một quyển tiểu-thuyết, đó là một tấm gương đi chơi trên đường cái ».

Chúng ta, tiểu-thuyết gia, chúng ta nên xem người ta nói gì, nghĩ gì năm 1932 (1), còn xét đoán khả, phủ, đó là công việc của tòa án hay của tòa án lương-tâm vậy (1).

Đem tích dịch mấy thí dụ trên kia, tôi không có ý gì khác là mình giải rằng tiểu-thuyết, theo đúng nghĩa của nó, không có mục đích và không cần biểu dương gì. Nó cũng không cần phải chứa đựng một bài học về luân-lý, về đạo-đức.

Ông *Duhamel* thú thực rằng, mỗi khi thấy có nhà phê bình nào tỏ vẻ bối rối không tóm thuật được tình-tiết của một tác phẩm thì ông thấy thích-thú muốn tìm đọc ngay tác-phẩm đó. Bởi sao? Bởi tại rằng tác phẩm đó có nhiều hy-vọng là một cuốn tiểu-thuyết hay. *Tiểu-thuyết, cũng như đời, rất khó mà kể lại, rất khó mà tóm thuật, rất khó mà hiểu nữa.* Đời, ôi, cái kiếp mần của chúng ta, không thể nào mà đem ra kể lại.

Vậy thì, tiểu-thuyết không cần chủ-trương gì cả. Nhưng muốn cho tiểu-thuyết không chủ-trương gì cả, điều đó không dễ dàng như chúng ta vẫn tưởng đâu. Viết một cuốn tiểu-thuyết, phải gan lắm, phải có nhiều đức hy-sinh lắm mới có thể bỏ chủ-đề đi được, mới không thuyết-lý và đem gán cho nhân-vật trong truyện những học-thuyết và tư-tưởng.

Biết bao phen, chúng ta chả đã gặp những tiểu-thuyết-gia ngồi với bạn bè quyến thuộc hay độc-giả của họ, gia công gia sức giảng giải về những tác-phẩm của họ đó ư?

Họ nói:

— Cuốn tiểu-thuyết này tôi viết ra có mục đích đả-đảo chế độ phân chia giai cấp!

Họ lại nói:

— Cuốn này, đem điều sự bất hòa giữa văn hóa Đông, Tây bằng một lối văn chiến đấu nhưng vẫn không mất tính cách ảo huyền của tiểu-thuyết!

Rồi họ lại nói:

— Nhưng cuốn tiểu thuyết này thì thiết thực hơn. Tôi muốn nói về những cái hại của tục tảo hôn ở thôn quê ta, một cái tục đã giết hại bao nhiêu thanh-niên, thiếu-nữ.

Cứ nghiệm mà xem ta thấy rằng rất ít người chống lại được với những chủ-nghĩa và học thuyết. Họ không muốn viết truyện « một người », họ đều muốn viết truyện về « Người ».

Đã đành rằng nhà văn bao giờ cũng nhiều lòng tự ái và tự phụ, mà ước vọng thì cũng nhiều hơn ai hết. Nhưng tôi chỉ yêu và mến được những ước vọng đã thành hình trong một tác phẩm đã xong rồi mà thôi. Mà độc-giả cũng vậy. Ông nói rất nhiều ý định, ông lại cho họ biết sự chủ trương của ông khi viết tiểu-thuyết, rồi ông lại nói sự dụng công của ông như cho nhân vật nói, để biểu dương chánh kiến của ông... nhưng độc-giả không cần biết gì hết: họ chỉ cần tiểu-thuyết của ông có làm rung động họ, có làm cho họ gặt thêm được một chút kiến văn về sự sống, và có cho họ được một ít giây phút thoát ly không; thế thôi; còn chủ-nghĩa hay học-thuyết, không cần, để cho họ đi tìm lấy.

« Bây giờ, hỡi hỡi Nathanael, hãy vứt sách của ta đi. Cố gắng mà vượt lên. Bỏ ta đi, bỏ ta đi; bây giờ thì bạn làm phiền ta; bạn cầm giữ ta; cái tình mà tự ta treo giá quá cao cho bạn làm cho ta bận lòng.

Cứ phải ra mặt giáo-hóa người ta, việc đó làm cho ta ngán lắm rồi. Có bao giờ ta bảo với bạn rằng ta muốn bạn giống ta đâu? Chính bởi vì bạn khác ta mà ta yêu bạn; ta chỉ yêu bạn về những cái gì mà bạn khác ta. Giáo-hóa? Còn ai giáo-hóa hơn là ta lại giáo-hóa ta? Hỡi hỡi Nathanael, ta có nói với bạn không? Ta tự giáo-hóa ta mãi mãi; không thôi. Ta vẫn còn tự giáo-hóa. Ta chỉ yêu ta trong cái gì ta có thể làm được.

... Vứt sách của ta đi; nên cho rằng đó chẳng qua chỉ là một trong ngàn muôn thái-độ có thể xảy ra ở trước cuộc đời. Bạn phải định lấy thái-độ của bạn ».

Mấy câu này của André Gide viết ở cuối sách *Les Nourritures* tôi muốn mượn để bổ thêm vào cái lý lẽ: « Không nên biểu dương gì ở trong tiểu-thuyết, mà cũng không nên ca-tụng hay mạt sát, bằng cách trực tiếp hay gián tiếp, một chủ nghĩa hay một học-thuyết gì ở trong tiểu-thuyết. »

VŨ BẰNG

Kỳ sau: **Tiểu-thuyết « gần đời thiết thực » với thuật tả-chân — Tả-chân tư-tưởng.**

(1) Bài này của André Maurois viết năm 1932 — Vie contemporaine — Ce que j'ai essayé d'exprimer.

HỒ THÍCH

với vấn-đề văn-minh Đông, Tây

V

Văn-minh Tây-phương là văn-minh lý-tưởng

Người phương Tây thì trái hẳn thế. Họ nói: « *không tri-túc là thần thánh* ».

Bất tri-túc về mặt vật-chất mà sinh ra cái thế-giới gang thép ngày nay, thế-giới với hơi máy ngày nay, thế-giới điện-lực ngày nay.

Bất tri-túc về mặt lý-trí mà sinh ra thế-giới khoa-học ngày nay.

Bất tri-túc về mặt xã-hội chính-trị mà sinh ra cái thế-giới dân-quyền, tự-do chánh-thể, xã-hội nam-nữ bình-quyền, lao-công thần-thánh khẩu hiệu, chủ nghĩa xã-hội.

Bất tri túc là cái động-lực của hết thảy các cuộc cách-tân, các cuộc tiến-hóa. Bất tri-túc quả là thần-thánh thật.

Tri-túc là tự bạo tự khí vô tư vô lự, gặp sao hay vậy.

Bất tri-túc là luôn-luôn phấn khởi đi tìm chân-lý, cải-tạo hoàn-cảnh, chinh-phục tự-nhiên, làm chủ-ông trên trái đất.

Cái đặc-sắc của nền văn-minh phương Tây là bất tri-túc vậy. Và cái tinh-thần đặc-sắc nhất của văn-minh phương Tây là khoa-học.

Chủ-đích của khoa-học là cầu chân-lý. Mà chỉ có chân-lý là làm cho ta thoát khỏi được những xiềng-xích của hoàn-cảnh, tập-quán, thành-kiến dị-đoan; chỉ có chân-lý là khiến ta trở nên tự-do, trở nên thông-minh thánh-trí đường-hoàng làm một người ở trên cõi doanh-hoàn.

Khoa-học hằng phải cốt làm cho đời sống vật-chất của ta được tiện-lợi, được đầy-đủ, được sung-sướng để chịu mà thôi, mà chính là cốt làm thỏa-mãn cho nhu-cầu tinh thần của ta vậy.

Khoa-học lại ảnh-hưởng đến cả các mặt khác của văn-minh như văn-nghệ, mỹ-thuật đạo-đức, tôn-giáo.

Ta không nói đến văn-nghệ và mỹ-thuật ở đây, vì phàm người nào chịu mở mắt trông nhìn tất đều nhận thấy rằng người phương Tây không hề khinh miệt hai môn trọng yếu đó.

Chúng ta chỉ nói qua về đạo-đức và tôn-giáo là hai môn mà người ta thường bảo là phương Tây kém phương Đông.

Văn-minh phương Tây cận thế bề ngoài tuy chưa hề thoát ly quan-hệ với tôn-giáo cũ, nghiên-cứu lịch-sử không thể không thấy rõ cái tôn-giáo mới, cái đạo-đức mới của văn-minh phương Tây cận thế, dù nền văn minh đó chưa tự đứng ra lập riêng đạo-đức tôn-giáo mới của mình.

Khoa-học phát-đạt nâng cao tri-thức của nhân-loại lên, khiến cho phương pháp cầu biết của loài người tinh-mật thêm, năng-lực phê-phán cũng tiến bộ thêm, nên phần mê-tín của tôn-giáo dần dần bị đào thải đến hầu hết. Mà cả đến điều tín ngưỡng cốt-tử nhất là — « *Có Thượng Đế* » — và « *Linh-hồn bất diệt* » cũng thành những điều nghi-vấn.

Cho nên cái đặc-sắc thứ nhất của tôn-giáo mới ấy là *lý-trí hóa*.

Cận thế văn-minh nhờ vũ-khí của khoa-học mà mở-mang ra bao nhiêu thế-giới mới, phát-hiện bao nhiêu là chân-lý mới, chinh-phục bao nhiêu là thế-lực của tự-nhiên, nào gọi điện để đẩy xe, nào dùng vô-tuyến để thông-tin, thật là những việc làm động-địa kinh thiên.

Năng-lực của loài người càng ngày càng phát-triển, thì lòng tín-ngưỡng ở nơi mình mình càng ngày càng tăng gia. Cái tâm-lý « *lạc thiên an mệnh* » dần dần biến thành cái tâm-lý nhờ cả vào sức loài người. Quyền lực ông trời trước khoa-học một ngày một thu-hẹp lại để nhường chỗ cho quyền-lực của con người.

Vậy cái đặc-sắc thứ nhì của tôn-giáo mới «nhân-hóa». Nhờ trí-thức phát-đạt chẳng những năng-lực con người được nâng-cao mà nhỡn-giới cũng được khuếch đại nữa. Nhờ đó mà bụng dạ người ta mở rộng ra, tưởng-tượng cao-xa thêm, đồng-tình minh-mẫn hơn, đồng thời hạnh-phúc vật-chất được tăng gia, khiến người ta có thừa sức để nghĩ đến những sự thiếu-thốn, đau-khổ của kẻ khác. Thế là sản-sinh ra một thứ đạo-đức xã-hội-hóa từng có từ xưa đến nay.

Cái đạo-đức xã-hội-hóa đó là cái đặc-sắc thứ ba của tôn-giáo mới vậy.

o

Muốn cần chút an-ủi cho cảm-tình người xưa không tiếc gì, đem hy-sinh các nhu-cầu của lý-trí, chuyên giữ lòng tin, chẳng hỏi chứng-cứ gì hết. Nên tin quỉ, tin thần, tin Trời, tin Thiên-đường, tin Tịnh-độ, tin Địa-ngục...

Gần đây khoa-học không thể để yên lòng tin đó. Chẳng phải là khoa-học phi-báng cảm-tình, có điều là khoa-học yêu-cầu rằng nhất thiết các điều tín-ngưỡng phải không để điều gì cho lý-trí phê-bình được. Phải có chứng-cứ rõ-ràng. Hễ điều gì không có chứng-cứ, là điều nghi-ngờ, chưa đủ tin vậy.

Đó chính là tôn-trọng sự yêu-cầu của tinh-thần vậy. Ta mua mộ thửa ruộng một căn nhà còn cần phải có một bức văn-khế làm chứng-cứ, huống hồ là đối với một việc có hy-vọng tối-cao cho đời người, không có chứng-cứ há lại tin được sao?

Cái thái-độ «đòi chứng-cứ» đó chính là phần *lý-trí-hóa* của tôn-giáo vậy.

Trước kia, loài người chịu sức chi-phối của tự-nhiên, chưa thám-thảo được những cái bí-mật của tự-nhiên, không có sức kháng cự lại những sự tàn-khốc của tự-nhiên, nên đối với tự-nhiên thường đem lòng sợ-sệt. Lễ cây, lễ đá, lễ vật, sợ quỉ, sợ thần, run run sợ sợ kính thờ thượng-đế, đều là vì loài người không tin được vào sức mình không thể không nương dựa một vài thế-lực siêu tự-nhiên.

Hiện nay người phương đông không thế. Trí-lực loài người đã chinh phục được vô số chất và lực của tự-nhiên, trên trời bay được như chim dưới biển lặn được như cá, xa có thể tính xét được giăng sao, gần có thể nghiệm xét được những vật cực nhỏ, với hai bàn tay và một bộ óc, con người đã trở thành chủ-ông của thế-giới.

Thế là cái tôn-giáo nhân-hóa hiện thời tin ở trời không bằng tin ở người, nhờ Trời không bằng nhờ chính mình. Loài người không còn mơ tưởng cái Thiên-đường, cái cái cực lạc-quốc ở đâu đâu nữa mà chỉ mong được sống ở cái «lạc-quốc» giữa loài người, không còn mong chất hóa thần tiên, mà mong làm người hoàn-toàn ở trên thế-giới hiện tại, không mơ-ước «tri thiên đường, lục thần thông» gì, mà mong có cái thông-minh trí-tuệ vạch trời, đo đất. Không tin ông Thượng-đế vạn năng mà tin ở con người vạn năng, tin ở tương lai con người, không tin linh-hồn bất diệt mà tin nhân-quyền thần-thánh, nhân-cách là thần-thánh

THÁNG TÁM
CHƠI ĐÈN CHIẾU BÓNG
CINEOMBRE
với chuyện phim ĐINH-TIÊN-HOÀNG
Cinéombre đèn điện 22p.80
Cinéombre đèn nến 15p.00
50 KIỂU ĐỒ CHƠI GIÁO-DỤC BỔ ÍCH CHO TRẺ EM
CATALOGUE BIẾU KHÔNG
ABC trẻ con học trẻ con chơi 4p.00
Tập tính «Premier calcul» 4p.00
Những hộp «Jeux de Construction» từ 3p.00 đến 20p.00
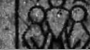

Những nhà ngoại-giao...

(tiếp theo trang 8)

Clémenceau, Bourgeois, Poincaré và Barthou. Vì việc dự vào nội các này mà ông bị đảng xã hội trục xuất. Đến 4 janvier 1908 tại ông giữ bộ Tư pháp và ngày 22 juillet 1909 thì Tổng thống Fallières giao cho lập nội các lần thứ nhất. Nội các Briand theo một chính sách hòa nhã để yên lòng dân. Từ 1911 đến 1914, ở Pháp chỉ có hai đảng cầm quyền đó là đảng Xã-hội cấp-tiến và đảng Quốc-gia cộng-hòa hợp nhất có hai ông Poincaré và Briand ở trong.

Ngày 24 Janvier 1913 thì ông được cử ra lập nội-các lần thứ hai. Nội-các này đến 18 Mars thì đổ. Trong thời kỳ chiến tranh trước, lúc đầu ông giữ chức tổng-trưởng tư-pháp trong nội-các Viviani và đến Novembre 1915 thì ông lại đứng ra lập nội-các «Hợp-nhất thiêng liêng» tự ông giữ lấy bộ Ngoại-giao. Ngày 13 Décembre 1915, các đài vô tuyến điện Đức nói đến những đề-nghị giảng hòa nhưng ông Briand lên tiếng cải chính và từ chối. Đến Février 1916 thì thủ-tướng Briand sang Ý và việc Ý dự vào chiến tranh đứng về phía đồng minh trong hồi này. Ông lại dự bị cả việc Hoa-kỳ dự vào chiến tranh sau này. Một việc quan hệ mà thủ-tướng Briand đã quyết định trong hồi này là việc phái quân đi đánh Salonique ở Hi-lạp để đánh Đức ở mặt trận Cận đông.

Từ 1914 đến 1918, ông là một chính khách có công nhất với cuộc toàn thắng.

Từ 1909 đến 1932 là năm ông từ trần, thủ-tướng Briand đã lập 11 nội-các và dự vào 15 nội-các khác.

Đời ngoại-giao của Briand

Trong khi chiến tranh còn dở, hai bên Đức và đồng minh còn cầm cự nhau, Briand đã nghĩ đến việc giảng hòa với Đức. Một tay sai của Đức là Lancken tuy không được lệnh điều đình nhưng đã nhờ thủ-tướng Bỉ Broqueville và Nam tước de Coppée đề nghị với Briand các điều kiện giảng hòa. Briand có đem việc này nói với thủ-tướng Ribot nhưng ông Ribot không chịu. Chính ông Briand đã nói một cuộc hòa-bình vĩnh viễn và vững vàng phải là cuộc hòa bình có đủ bảo đảm, bồi thường và giữ đất đai.

Đến 16 Janvier 1921, ông Briand lập nội-các thứ 6. Ngày 24 Janvier 1921, ông dự hội-nghị Paris là hội-nghị định hạn giả tiền bồi thường cho Đức. Đến 20 février 1921, ông lại sang dự hội-nghị Luân-đôn để định số bồi thường mà Đức phải giả là 132 ngàn triệu Đức kim. Đến 4 Mars thì thủ tướng Briand ra lệnh cho quân Pháp chiếm đóng các thị trấn Ruhrort, Duisbourg và Dusseldorf, còn hạm đội đồng minh thì phong tỏa hải cảng Hambourg. Đến 30 Avril thì thượng hội-nghị đồng minh y chuẩn chương

MỚI CÓ BÁN:
Xuân và Sinh
Truyện dài của THANH-TỊNH
Giá: 5p.40 Cước 0p.50
SẮP CÓ BÁN: LÀM DÂN
Phóng-sự dài của TRỌNG LANG
o
TRONG LŨY TRE XANH
Một tập truyện ngắn thiết-thực tả về dân quê Bắc-kỳ của TOAN-ÁNH
CÒN SỐ ÍT: THẦY LANG
Phóng sự của TRỌNG-LANG — Giá: 4p.00
o
HAI GIÒNG SỮA
của NGUYÊN HỒNG — Giá: 4p.50

Cũng trong khi Briand giữ chức thủ-tướng nước Pháp đã ký hợp ước Angora với Thổ và cuối năm 1921 thì cùng với hai ông Viviani và Sarraut sang Hoa-thịnh-đốn dự hội-nghị tài giảm binh bị do tổng thống Hoa-kỳ Harding triệu tập và có đại biểu liệt cường đồng minh dự vào. Thủ-tướng Briand đã cực lực phản đối việc giảm binh bị trên bộ vì tình thế Âu châu lúc đó. Còn về hải quân thì ông Briand nói nước Pháp chỉ cần đến một hạm đội phòng thủ để đủ giữ các đường giao thông trên mặt bể.

Ở Hoa-kỳ về, thủ-tướng Briand lại đi dự hội nghị Cannes bàn với thủ-tướng Anh về việc phòng giữ biên giới sông Rhin. Nếu hợp-ước Cannes mà ký xong thì Anh tự coi là bổn phận mình phải giữ biên giới sông Rhin nếu Đức phạm vào hòa ước Versailles. Theo lời Briand thì chính ở Cannes đã sửa soạn việc ký hòa ước Locarno sau này.

Công việc Briand tại hội-nghị Quốc-liên

Ta có thể nói Briand là người có công nhất trong các đại biểu tại hội-nghị trên bờ hồ Genève. Ông là đại biểu thứ nhất của nước Pháp tại hội nghị đó. Khi thảo điều lệ hội, ông đã dùng tài ngôn luận làm cho đại biểu 47 nước phải đồng ý về các điều lệ bảo đảm cho cuộc hòa bình thế giới. Tại Ascona, thủ tướng Briand đã hội đàm với thủ tướng Đức bác sĩ Luther và nhà ngoại giao đại tài của Đức Gustav Stresemann. Briand đã nói với Stresemann tuy hai người khác nước nhưng cùng là người Âu châu nên có thể điều đình với nhau được. Nhờ cuộc hội đàm này mà đại biểu các nước Anh, Pháp, Đức, Bỉ và Ý đã cùng nhau ký hòa ước Locarno. Chính Briand là người đã có sáng kiến và hoạt động nhiều về việc ký hòa-ước đó. Hòa-ước này ký ngày 16 Octobre 1925, bảo đảm sự trị an của các nước ký vào đấy. Các báo Âu châu đều tỏ vẻ vui mừng cho đó là việc đáng chú ý nhất từ sau cuộc chiến tranh. Người ta ở Thoiry dưới chân giẫy Jura. Năm 1926, Briand được giải hòa bình Nobel. « Cứ mỗi ngày Briand lại cố gắng bước thêm một bước đến hòa bình. » Đó là lời một tờ báo Pháp phê bình công việc của Briand.

Đến 27 Aout 1928, ngay tại phòng khách Horloge, bộ ngoại-giao Pháp lại ký hòa ước Paris là hòa ước bài trừ chiến tranh, không dùng nó làm lợi khí về chính trị quốc tế nữa. Hòa ước đó có người gọi là hòa ước Briand-Kellog có đại biểu các nước Đức, Mỹ, Bỉ, Pháp, Anh, Gia-nã-đại, Úc-đại-lợi, Nam Phi, Ái-nhĩ-lan, Ấn-độ, Ý, Nhật, Ba-lan, Tiệp-khắc ký vào.

Hồi này là hồi Briand được hoan nghênh đến cực điểm. Khắp hoàn cầu không ai là không biết tiếng ông.

Aristide Briand thật là một nhà chính trị quốc tế trong óc vẫn nuôi một tư tưởng lớn và khắp hoàn cầu khi nói đến tên ông ai cũng phải đặt bao nhiêu hy vọng vào đó

Hòa bình hiện nay chỉ là một giấc mộng đã qua nhưng cái tên và công nghiệp của vị chúa tể hòa bình vẫn còn lưu đến muôn đời.

HỒNG-LAM

Thư-xã Alexandre de Rhodes mới xuất-bản:

Truyện rừng xanh

Phạm-xuân-Độ phỏng-thuật theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling, gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh-ảnh, dày 170 trang, khổ 17 x 23,

Mỗi cuốn Bản thường 4p00 cước 0p50

— bản giấy Đại-la 12p00 — 1p00

Tổng phát-hành MAI-LĨNH

N· 21, rue des Pipes — HANOI

Lục súc tranh công

Bản dịch Pháp-văn của Hoàng-hưu-Xứng và A. de R.

Bình phẩm cuốn này, cố Cadière đã nói: « So với Kim-Vân-Kiều và Chinh phụ-ngâm thì Lục-súc tranh-công còn tự nhiên phổ-thông vì có vẻ « annam » nhiều hơn lắm... dày 150 trang khổ 17 x 23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh

Mỗi cuốn bản thường 4p00 cước 0p50

TRUYỆN NGƯỜI HÀNG XÓM

TRUYỆN DÀI của NAM-CAO
(Tiếp theo)

— Sao con biết?.. Mợ.. Giời ơi!..

Có tiếng thét lên tiếng nữa. Mẹ Hiền cuống quýt:

— Ấy!.. thong thả đã!...

Nhưng người rời đi. Tàu đứng dậy nhốn nháo:

— Tàu chạy đấy! Xuống đi! Mau!

Mẹ Hiền lúng ta lúng túng, vừa muốn đẩy con xuống lại vừa muốn giữ con ở lại:

— Tàu chạy! tàu chạy! Con xuống!.. Khéo ngã! hay là.

Tàu chuyển bánh. Hiền nhảy xuống. Người mẹ rú lên, như con vừa chết chẹt. Hiền lảo đảo. Khi đứng vững lại được thì toa mẹ đứng đã vượt lên rồi. Hắn trông theo cái đầu mẹ ngoái ra. Một tay thị vẫy rối rít, một cách vô cùng thất vọng, những toa khác đều qua mặt Hiền lần lượt. Con tàu thở hồng hộc, phì phì. Toa cuối cùng qua. Trước mặt Hiền bây giờ là khoảng trống. Tiếng còi ở đầu tàu thét lên, nghe đã hơi xa một tí. Những người đi đưa ra cửa, giở ra về. Hiền thờ thẫn bước sau cùng. Hắn bâng khuâng, không biết cả ô-tô, đèn pha sáng chói hắn mới giật mình sực tỉnh.

Thấy không còn sức để bước đi, hắn thuê một cái xe

— Ngõ Gạch Hàng Hòm!

Hắn bảo người phu xe như vậy. Bởi vì hắn thấy cần phải gặp Tiền. Có về nhà bây giờ cũng khó lòng mà ăn được, khó lòng mà ngủ được. Lại còn những lời ray rứt của mụ chủ, đòi tiền cơm, tiền rượu... À! Kệ đời mụ ấy! Hắn sẽ không trả một đồng nào nữa! Tối hôm nay, hắn sẽ tiêu tất cả. Hắn sẽ mua rượu, mua thức nhắm về để uống với ông Ngữ. Hắn sẽ đưa cho Tiền năm đồng bạc như những người chơi bời khác vẫn đưa. Thị sẽ thuộc về hắn cả đêm. Hắn sẽ gục đầu vào ngực thị mà khóc, khóc đến không còn nước mắt. Rồi sáng mai, hắn sẽ chết cứng trong tay thị... Như vậy chả hơn sao. Sống làm gì? Hắn khổ sở đã lâu rồi, nhịn nhục đã lâu rồi. Bây giờ đã đến lúc hắn phải tiêu hoang và liều lĩnh...

— Đây! bên trái.

Anh xe rướn người ra, cố kìm xe lại, hạ càng. Hắn bước xuống trả tiền, rồi xồng xộc đi vào. Vừa đến cửa, hắn đã ngừng ngay lại. Trong nhà sáng. Tiền ngồi bên cạnh một người đàn ông. Cả hai đang cúi đầu trên một tờ nhật trình mở rộng... Hiền đứng ngoài tối, nhìn cảnh ấy và đột nhiên ứ nghẹn. Nước mắt hắn ứa ra, chảy thành dòng theo rìa mũi xuống môi. Hắn nấc lên một tiếng. Cặp trai gái ngửng đầu lên...

— A?

Người đàn ông hơi nhíu cặp lông mày, hỏi một tiếng hách dịch và hơi gắt gỏng. Tiền gỡ tay hắn, chạy ra. Thị sửng sốt, khẽ kêu lên một tiếng khàn khàn:

— Anh!

Hiền nắm chặt lấy tay Tiền, nức nở. Tiền hoảng sợ. Thị cuống quít đẩy Hiền ra ngõ:

— Tôi lạy anh! Tôi lạy anh! anh ra đi!

Nhưng Hiền đã không còn

ra ngõ nhưng vẫn níu chặt lấy hai tay thị, và cố nói qua tiếng ấm ức:

— Tiền!.. Tiền ơi!.. tôi khổ... tôi khổ lắm!..

— Tôi lạy anh!... anh cứ ra đi đã..

— Không! Tiền ra với tôi.. tôi nói...

— Không được đâu!

— Được! tôi không cần gì nữa. Tiền cũng vậy... Kệ.

Hiền toan chửi to một tiếng. Nhưng người đàn ông trong nhà, đã ra nửa, gọi:

— Ê!... Đi đâu thế?

Tiền ôm chặt lấy Hiền, áp môi thị vào má hắn, rất nhanh. Rồi thị bỏ hắn ra, đẩy hắn thêm cái nữa, rồi chạy vội vào nhà. Người khách nắm lấy tai thị, kéo vênh mặt thị lên, nhìn hõm xuống vào đôi mắt trong veo, hỏi:

— Đi đâu thế, hở? Có muốn không?

— Muốn gì?

Hiền nghe tiếng một cái ghế bị xô, chân ghế cọ vào thềm gạch thành tiếng rít. Rồi tiếng Tiền cười rú lên, như bị cù. Như điên dại, hắn lao mình ra khỏi ngõ, cắm đầu bước những bước dài và nhanh như người chạy, lòng rối loạn. Hắn cũng chả biết hắn đi đâu. Mỗi khi gặp một ngã ba hay ngã tư, hắn rẽ ngược, hắn rẽ xuôi, hoàn toàn không có một định ý gì rõ rệt. Hắn cũng không nhìn nữa. Bởi mắt hắn vẫn còn chút nước, nên hắn thấy những đèn phố nhập nhòe. Người, xe lại qua tấp nập một cách xa xôi như trong một cơn mơ. Hắn có cái cảm giác lờ mờ như mình là một hồn ma đi giữa đám đông người. Cảnh huyên náo, rộn ràng ở chung quanh không ăn nhập gì đến hắn. Người ta vui vẻ lắm. Những tiếng cười rộ lên rồi lại tắt đi. Có những anh con trai nói oang oang. Những bà áo màu sặc sỡ tung bay trên những gót chân thoăn thoắt. Những tiếng nói như chim líu rít... Phải, người ta vui vẻ lắm. Nhưng đấy là người ta, không phải hắn. Chao ôi! bao giờ mà chả thế? Hắn đi giữa những người đi khác, hắn sống giữa bao nhiêu người sống, mà không bao giờ được chia sẻ một tí xíu, trong những cái tốt đẹp về phần người ta...

Hắn nghĩ đến người mẹ đang khóc trên toa xe lửa. Đoàn xe thở hồng hộc như một con vật khổ sở, gần kiệt sức mà vẫn bị roi quất vun vút trên lưng để thúc đi thật mãi, hung hăng chạy trong đêm tối, vừa chạy vừa hục hặc như toan làm dữ. Người mẹ ấy về đâu? bây giờ sống ra sao? Hắn chưa kịp há mồm để hỏi han. Nhưng mẹ hắn trông già và xấu đi nhiều, da sạm lại, tóc hoa râm, tay gầy guộc. Chắc chắn là khổ sở. Và hắn bùi ngùi thương... Ồ! giá mẹ hắn đừng bỏ hắn mà đi!... Hắn sẽ thuê một căn nhà. Hắn đi làm, mẹ hắn cũng đi làm hoặc đi buôn. Mẹ con đùm bọc lấy nhau... Cái mộng gia đình ấy giắt theo một cái mộng gia đình khác: Tiền với hắn... Nhưng hình ảnh ấy phác ra chưa trọn vẹn đã bị một hình khác xóa: hai cái đầu ghé sát, nghiêng nghiêng trên một tờ nhật trình mở ra trên bàn. Chao ôi! đẹp biết bao! Hắn rất có thể như người đàn ông kia nếu hắn giàu.. Một nỗi ghen tức cuộn lên cổ hắn và tắc lại. Hắn không thở được. Hắn không đi được nữa. Hắn đứng lại mà nuốt nghẹn. Và hắn chợt nhận ra rằng chỗ hắn đang đứng là một con đường vắng lắm. Ồ! hắn đã đi loanh quanh qua những đường nào vậy? Bởi chỗ này là vườn hoa...

Hắn nhìn ngơ ngác chung quanh. Khu vườn tối om om. Những bóng đèn thưa thớt ở ven đường, bị lá cây um tùm che lấp, không tỏa sáng đi xa được. Ở trên là bóng tối dày và đặc. Những thân cây to và thanh đứng sừng sững thành những cột. Hoang vắng quá! Hiền rờn rợn như đứng giữa một khu rừng, ban đêm. Hắn toan đi, thì bỗng để ý đến mấy tiếng gọi lèo luôn của một người con gái (hắn nghe tiếng mà đoán là con gái):

— Này! này!... Người anh em!...

Một bóng đàn bà, quần đen, áo cánh trắng, ưỡn ẹo đi lại chỗ hắn, đôi tay ve vẩy. Hắn ngạc nhiên:

— Ai hỏi gì tôi?

— Sao ra muộn thế?

Hiền ngẩn mặt ra một chút, rồi chợt hiểu. Hắn đã được nghe mấy bạn làm cùng sở bàn tán về bọn gái ăn xu, lảng vảng ở vườn hoa. Ả này chắc cũng vào hạng ấy đây... Hiền mới thầm đo bữa bận nhiều diện tết. Ả nắm tay hắn, quàng lên cổ ả...

— Đi lại đằng kia.

Hiền ngần ngừ một chút, rồi tặc lưỡi. Hắn để mặc cho ả giang hồ kéo đi...

●

Tiền bước vào thì Lộc đang ngồi phì phèo hút thuốc lá, trước mặt trang giấy mới viết được bốn, năm dòng chữ. Chẳng kịp chào, Lộc hỏi ngay:

— Tiền đã được tin chưa?

— Gì thế?

— Hiền chết rồi.

Tiền sửng sốt:

— Anh Hiền chết?.. chết bao giờ thế?

— Hình như đến một tuần rồi thì phải, tôi cũng quên không hỏi cho biết rõ.

— Thế ai bảo mà anh biết?...

— Tôi lại hỏi ở chỗ anh ấy trọ. Đến đuôi thì tại lâu lắm hay tôi không thấy anh ấy lại đây chơi. Tôi cũng bận nên không đến nhà anh ấy được. Mãi đến hôm qua, công việc mới thư thư một chút. Tôi ra đón anh ấy ở cổng nhà máy rượu. Người làm nhà máy rượu ra hết rồi mà tôi cũng chưa thấy Hiền ra. Tôi hỏi một người quen. Họ bảo: «anh Hiền nghỉ đã đến gần hai xin được việc làm chỗ khác. Tôi về chỗ anh ấy trọ. Mụ chủ bảo: anh ấy chết, đã chôn mấy hôm nay rồi. Mụ lại toan bắt tôi trả cho anh ấy số tiền trọ anh ấy còn đọng lại...

— Anh ấy chết vì bệnh gì mà chóng thế?

— Chóng gì? Họ bảo anh ấy ốm mãi từ ngày nghỉ việc. Hình như tại anh ấy chơi bời bậy bạ..

Tiền kêu lên:

— Không có lý!

— Tôi cũng không tin lắm. Ấy là người ta bảo thế. Người ta bảo có một hồi anh ấy hay đi chơi khuya lắm.

— Tội nghiệp anh ấy quá!

Tiền chưa nói xong câu đã mếu. Thị gục mặt xuống mùi xoa. Đôi vai mỏng mảnh rung như chiếc lá. Lộc đứng trông, chợt nhận ra rằng: lớp này người Tiền sút đi tợn quá. Cái cổ đã hơi ngẳng ra một chút, Lộc tự nhiên bùi ngùi...

— Thôi! Tiền ạ... anh Hiền chết đi rồi, dẫu ta có khóc cũng không làm anh sống lại được...

Lộc hơi ngượng nghịu, bởi thấy mình cũng nói những câu vô ích như bất cứ người giả dối nào trong những dịp tương tự. Hắn ngừng lại, và trở về ...

ĐÃ CÓ BÁN: Cuốn tiểu-thuyết giá-trị nhất của VŨ-AN-LĂNG

chắt lắm. Tiền cảm động. Lòng yêu của Lộc thật thắm thiết và rộng rãi... Tiền thử mặt ra một chút, rồi đột nhiên lại ôm mặt khóc. Lộc nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh Tiền. Tiền giật nảy mình, và nói như một người hoảng hốt :

— Em van anh ! em van anh ! Em hiểu lòng anh lắm. Nhưng chúng ta không nên thế. Em sợ anh Hiền tủi. Nếu người ta chết đi, còn cái hồn ở lại, thì cái hồn anh ấy giận.

Lộc cười buồn ;

— Không, Tiền ạ. Anh Hiền không hẹp hòi quá thế. Không lẽ anh ấy cũng tham lam như những ông vua tàn ác của những thời dã man xưa : bắt người ta chôn sống những cung tần, mỹ nữ của họ theo xác họ. Anh ấy tất cũng sẵn lòng tha thứ cho ta, bởi thương ta. Ba chúng mình cùng khổ như nhau. Những kẻ khổ sở trên đời, nếu không biết thương nhau, còn đợi ai thương nữa ?

Tiền không đáp. Nhưng sự im lặng ấy bảo cho Lộc biết : Tiền đã thuận. Hắn xem đồng hồ, rồi bảo :

— Mới bốn giờ. Nghĩa địa cũng không xa. Để tôi đưa Tiền đi thăm mộ anh Hiền một chút.

Tiền ngước mắt nhìn Lộc, cảm động và biết ơn. .

HẾT

NAM-CAO

Sách mới

T. B. C. N. vừa nhận được :

— LỤC SÚC TRANH CÔNG do HOÀNG HỮU XỨNG và A. do R. dịch ra Pháp-văn, do thư-xã ALEXANDRE DE RHODES xuất bản. Sách in trên giấy tốt, dày 130 trang khổ nhỡ, giá 4p.

Xin có lời cám ơn nhà tặng sách và giới thiệu với bạn đọc.

Hộp thư

Ô THƯỢNG-VIỄN. — Đầu đề ấy, nhiều người đã viết rồi.

Ô. TOAN-ÁNH. — Xin gửi tiếp cho D. C.

Ông Vũ-đình Thành Hanoi. — Dấu cũ sẽ in thành sách.

Các ông Nguyễn-văn-Thái, Cầm-khê, Trần-văn-Thanh, Muốn mua *Phong lưu đồng ruộng*, xin hỏi ở hiệu sách hàng tỉnh hoặc ở nhà xuất bản « Anh Hoa », 69 Rue Charbon, Hanoi.

ĐỨC-THỌ ĐƯỜNG

131 — Route de Huế — HANOI

là một nhà thuốc đứng-đắn và được lòng tin của mọi người. Thuốc bào-chế tinh-vi và các thứ hoàn tán, cao đan đều công hiệu rất chóng — Nhật chữa khoán — Gửi lĩnh hoá giao ngân

+ AI MUỐN BIẾT +

Các lieu thuốc và các cao ... điều trị đủ các chứng bệnh nam, phụ, lão, ấu theo hai khoa y học và bào chế Đông Tây, hãy hỏi mua những sách thuốc do ông bà Lê-văn-Phấn, y sĩ và bào chế sư, tốt nghiệp trường Cao-đẳng y-học, chuyên khảo về thuốc Nam Bắc, đã soạn và dịch ra Quốc-ngữ. Sách nói về chữa bệnh phổi, dạ dầy thận, tim, bệnh hoa liễu v. v., sách về sản dục nhi khoa đều giá 1$ 1 bộ. Thư từ mua sách hoặc hỏi về thuốc men chữa bệnh xin để :

Monsieur et Madame LÊ-VĂN-PHẤN
Médecin civil et pharmacienne
N° 13, rue Ba-vì Sontây — Tonkin

Cuộc trưng bày tranh vẽ Mạnh Quỳnh để khuyến khích về sự cải-cách hương thôn.

Hôm chủ nhật 10-9-44, họa-sỹ Mạnh-Quỳnh đã trưng bày tại đình làng Trung-bộ, tổng Cao-bộ, huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-đông những tranh vẽ để khuyến-khích dân quê về sự cải-cách hương thôn do quan Công-sứ và quan Tổng-đốc Hà-đông chủ tọa.

Ông Mạnh-Quỳnh đã đem ngọn bút tả tỉ-mỉ những cảnh sinh-hoạt của một làng cũ và một làng mới, để đem cho dân quê một sự so-sánh biết những lợi và hại những hành vi của mình làm...

Lần đầu tiên ở đây, một họa sĩ có tư-tưởng đem tranh vẽ ứng-dụng vào sự cải-cách thôn quê. Đó là một việc rất cũ đã nhiều người hô-hào và là một việc rất mới là họa sĩ đã khéo dùng tranh để cảnh cáo, và truyền-bá những cái hại, cái hay về sự cải-cách..

Những tranh đó sẽ dần-dần đem bày các nơi, và do những anh em thanh-niên yêu sự cải-cách đứng đảm nhận đem trưng bày.

Mong hết thảy những ai yêu nhà, yêu nước, hưởng-ứng vào việc này, vì làng hay tức nước hay.

Anh-Lữ

.. — Route de Huế — HANOI

ĐẸP, NHANH CHÓNG, BỀN, GIÁ HẠ

Hiệu giầy ANH LỮ mới chính đốn cả ... (catalogue) các kiểu giầy năm 1944. Có nhiều kiểu đẹp, rất hợp thời trang để kính biếu các quý khách trong ... Bán buôn bán lẻ khắp mọi nơi.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

BASTOS

NGON, THƠM

Giá.. .. .. 0$19

Thuốc mạnh sâm nhung

Chuyên trị bịnh di-tinh, mộng-tinh, hoạ-tinh. Sức suy lực tinh thần mỏi mệt ăn ngủ ít, đau lưng mỏi gối dùng thuốc này

Bán tại hiệu thuốc : THÁI-CÒ

N° 82 HÀNG BẠC HANOI. Khắp các nơi đều có đại-lý

BÚT MÁY : HAWAIIAN

Có máy điện khắc thêm tên

Giá 15p00 thêm 1p00 cước recommandé.
Ở xa gửi nửa tiền trước, còn gửi crt.

MAI LĨNH 60 Cầu Đất Haiphong

NHỨC ĐẦU, NGẠT MŨI, SỐT NÓNG, ĐAU MÌNH NÊN DÙNG :

Thối nhiệt tán ĐẠI-QUANG

Xin nhận kỹ hiệu (bướm bướm) mới khỏi nhầm
28, phố hàng Ngang Hanoi -- Tél. 805

Dấu Nhị - Thiên

Trị bách bệnh. Mỗi ve 0$90

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG DƯỢC-PHÒNG

16, phố hàng Buồm, Hanoi — Téléphone 849

MỰC VIÊN ! MỰC NƯỚC !

MAGNIFIC

Tốt ngang mực ngoại-quốc
Không cặn — Đặc nước

Nhà chế tạo : M. NGUYỄN - HUY - KỲ
60 B ROUTE BACH-MAI — HANOI

Mới xuất bản :

KINH DỊCH

một bộ sách cổ nhất Đông Phương
lạ nhất nhân-loại

Toàn bộ 5 cuốn dầy ngót 2000 trang
Giấy thường 30p00
Giấy Đỏ (hộp lụa) 75p00
Giấy Bạch minh châu (hộp gấm 200p.00 (hết)
Thêm cước gửi 5p00

Thư và ngân phiếu gửi về :

NHÀ IN MAI-LĨNH — HANOI

RĂNG TRẮNG KHỎI SÂU THƠM MIỆNG
vì dùng :
thuốc đánh răng

GLYCERINA

Giầy Phúc-Mỹ

204, rue du Coton
Hanoi

đã được lừng danh khắp Đông-dương
bền, đẹp, rẻ
Bán buôn, bán lẻ khắp mọi nơi
(có catalogue biếu)

CÁC GIA-ĐÌNH NÊN DÙNG THUỐC

ĐAU DẠ DẠY
HO GÀ

ĐIỀU-NGUYÊN

Tổng-cục : 125 Hàng Bông, Hanoi
Đại-lý khắp cõi Đông-pháp

Autorisé publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941
Edition hebdomadaire du Trung-Bac Tân-Van n°
Imprimé chez Trung-Bắc Tân-Văn
36, Boulevard Henri d'Orléans — Hanoi
Tirage 11.000 ex. exemplaires
Certifié exact l'insertion
L'ADMINISTRATEUR GERANT: NG DOÃN VƯỢNG